

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐOÀN TỔ NHƯ

**TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

ĐOÀN TỔ NHƯ

**TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG
THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC : PGS.TS. CAO THỊ OANH

HÀ NỘI - 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1. Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng	7
1.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm khác	10
1.3. Khái quát lịch sử lập pháp về tội gây rối trật tự công cộng	16
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	25
2.1. Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng	25
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	32
Chương 3: CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	57
3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng	57
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng	60
KẾT LUẬN	72
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CHXHCN	Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa
TAND	Tòa án nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1	Số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	33
Bảng 2.2	Số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm 2011 đến năm 2015	36
Bảng 2.3	Tình hình giải quyết án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015	41
Bảng 2.4	Phân tích kết quả xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	43
Bảng 2.5	Phân tích đặc điểm nhân thân các bị cáo bị xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	44
Bảng 2.6	Tổng số vụ án, số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trong tương quan với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong 5 năm (2011 - 2015)	45

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Số hiệu biểu đồ	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 2.1	Biểu đồ số vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	34
Biểu đồ 2.2	Biểu đồ tỷ lệ số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	34
Biểu đồ 2.3	Biểu đồ số bị cáo bị truy tố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015	35
Biểu đồ 2.4	Biểu đồ số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng mà các Tòa án nhân dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý từ năm 2011 đến năm 2015	37
Biểu đồ 2.5	Tổng số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với tổng số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015)	37
Biểu đồ 2.6	Biểu đồ so sánh số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng so với số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (từ năm 2011 đến năm 2015)	38
Biểu đồ 2.7	Tổng số bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với tổng số bị cáo tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015)	39
Biểu đồ 2.8	Số bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) tại Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (từ năm 2011 đến năm 2015)	39
Biểu đồ 2.9	Tỷ lệ số bị cáo và số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) tại Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (năm 2011 đến năm 2015)	40

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội ở nơi công cộng diễn ra ngày càng nhiều, đời sống kinh tế xã hội có những thay đổi đáng kể, từ đó có những tác động tích cực đến đời sống nhân dân cả nước. Song bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được, cùng với đà phát triển, hội nhập trong mọi lĩnh vực văn hóa, kinh tế, xã hội, rất nhiều những nguy cơ và thách thức to lớn đang được đặt ra với toàn Đảng và Nhà nước; cụ thể là những tác động tiêu cực của mặt trái nền kinh tế thị trường, những hành vi không tuân thủ pháp luật, các quy tắc về trật tự đô thị, trật tự nơi công cộng vì động cơ kinh doanh, dịch vụ để có điều kiện phát sinh, tồn tại. Những thực trạng như thói quen tùy tiện lấn chiếm lòng đường, vỉa hè, hành lang nơi công cộng để buôn bán, kinh doanh, các hoạt động dịch vụ bóc, xếp, vận chuyển hàng hóa; tình trạng đua xe trái phép, phóng nhanh vượt ẩu, vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông... tình trạng vi phạm ở một số nơi công cộng, với những hình thức khác nhau, diễn ra rất phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến việc đảm bảo trật tự chung, an toàn chung, vệ sinh chung, đến thuần phong mỹ tục, lối sống lành mạnh của xã hội; đặc biệt là sự gia tăng của các loại tội phạm ở các thành phố lớn, nhất là Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

Hơn lúc nào hết, an toàn trật tự công cộng luôn là vấn đề được mọi người quan tâm, và nhất là trong giai đoạn hiện nay, vấn đề này càng trở nên quan trọng bởi vì muốn xã hội phát triển bền vững, ổn định thì điều kiện về an toàn công cộng, trật tự công cộng phải được đảm bảo. Nghĩa là, để hướng tới một xã hội phát triển ổn định, lâu dài, Nhà nước cần có những biện pháp, chính sách nhằm bảo vệ các mối quan hệ trong xã hội, đảm bảo cho con người trong xã hội đó có thể yên tâm sinh sống, hoạt động nhằm góp phần xây dựng phát triển đất nước.

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2011 đến năm 2015, Tòa Hình sự Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án nhân dân cấp Quận/ Huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý

36.262 vụ án hình sự, và đã xét xử 29.998 vụ, trong đó số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng là 60 vụ, chiếm khoảng 0.2% tổng số vụ án hình sự đưa ra xét xử.

Tuy số liệu các vụ án thể hiện trên báo cáo thống kê về tội gây rối trật tự công cộng so với tổng số các vụ án hình sự đã được thụ lý chỉ khoảng 0,21%, nhưng tổng số các vụ việc liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng, gồm cả các vụ xử phạt hành chính và các vụ xử lý hình sự trên thực tế lại rất nhiều, gây ảnh hưởng rất lớn đến tình hình đảm bảo an ninh trật tự trên cả nước. Thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất Việt Nam xét về quy mô dân số và cả mức độ đô thị hóa; đồng thời, cũng là đầu tàu kinh tế, và là một trong những trung tâm văn hóa, giáo dục quan trọng nhất của cả nước. Vì thế, vấn đề giữ gìn an ninh trật tự tại thành phố lại trở nên cực kỳ quan trọng. Trong những năm qua, các cơ quan chức năng của Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung lực lượng xử lý tội phạm gây rối trật tự công cộng và đã đạt nhiều kết quả đáng kể. Tuy nhiên, công tác xét xử các vụ án gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh còn có những hạn chế và gặp nhiều khó khăn. Do đó, vấn đề này ở Thành phố Hồ Chí Minh cần được nghiên cứu, tổng kết một cách toàn diện, có hệ thống. Thông qua việc nghiên cứu sẽ xác định được các nguyên nhân làm hạn chế công tác xét xử đối với các tội gây rối trật tự công cộng. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả xét xử đối với loại tội phạm này. Với những lý do trên, tôi chọn **“Tội gây rối trật tự công cộng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”** để làm luận văn Thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chương XIX BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng. Trong đó các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng đã được một số nhà khoa học - luật gia hình sự quan tâm nghiên cứu và được thể hiện ở một số sách chuyên khảo, tham khảo, bình luận và giáo trình đại học, chẳng hạn như:

1. GS.TS. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2001), Chương X - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm), NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
2. TS. Nguyễn Đức Mai (2001), Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Bình luận khoa học BLHS Việt Nam năm 1999, Tập thể tác giả, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
3. TS. Trần Minh Hưởng (2002), Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. ThS. Đinh Văn Quế (2005), Bình luận khoa học chuyên sâu BLHS - Phần các tội phạm, Tập IX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Vũ Thế Công (2007), Trật tự công cộng và một số biện pháp phòng chống gây rối trật tự công cộng, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
6. TS. Trương Quang Vinh (2008), Bình luận các điều 241 đến 256- Bình luận khoa học BLHS Việt Nam năm 1999 (tái bản có sửa chữa, bổ sung), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (2010), Chương XXV - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, (Tập II), do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
8. TS. Phạm Văn Beo (2010), Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Luật hình sự Việt Nam (Bài 10 - Quyển 2 - Phần các tội phạm), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. TS. Trần Minh Hưởng (chủ biên), TS. Đỗ Đức Hồng Hà, TS. Trịnh Tiến Việt và tập thể tác giả (2010), Chương XIX - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Tìm hiểu BLHS nước CHXHCN và những văn bản hướng dẫn thi hành, NXB Lao động, Hà Nội.
10. Nguyễn Thanh Hải (2010), Tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam, do TS. Trịnh Tiến Việt (chủ biên), NXB Công an nhân dân.

11. Nguyễn Thanh Hải (2010), Tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam, Luận văn Thạc sỹ Luật học.

12. GS.TS Võ Khánh Vinh (2013), Giáo trình Lý luận chung về định tội danh, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

13. PGS.TS Trần Minh Hưởng (2014), Bình luận khoa học BLHS (được sửa đổi, bổ sung), NXB Hồng Đức.

14. Tập thể tác giả, GS.TS Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), Giáo trình Luật Hình Sự Việt Nam – Phần chung; Phần các tội phạm, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

Qua nghiên cứu các công trình trên cho thấy: một số công trình có phạm vi nghiên cứu rộng, trong đó tội gây rối trật tự công cộng chỉ là một vấn đề nhỏ trong nội dung nghiên cứu của tác giả nên chưa được phân tích sâu về mặt lý luận và thực tiễn; có công trình chỉ xem xét tội gây rối trật tự công cộng với ý nghĩa là một tội phạm để bình luận các dấu hiệu pháp lý hình sự và hình phạt hoặc chỉ xem xét dưới góc độ tội phạm học - phòng ngừa cả nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; có công trình nghiên cứu tội gây rối trật tự công cộng nhưng đã được tiến hành cách đây khá lâu, do vậy giá trị về lý luận và thực tiễn không cao.

Đối với Thành phố Hồ Chí Minh, cho tới nay chưa có một công trình nào nghiên cứu về tội gây rối trật tự công cộng gắn với thực tiễn xét xử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó việc nghiên cứu pháp luật hình sự Việt Nam về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn xét xử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là một đề tài có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận chung về tội gây rối trật tự công cộng; những dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng của tội phạm này trong pháp luật hình sự Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá những quy định về tội gây rối trật tự công cộng trong pháp luật hình sự nước ta; phân tích thực trạng áp dụng quy định về tội gây rối trật

tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm rút ra những tồn tại, hạn chế về lập pháp, áp dụng pháp luật hình sự.

- Từ những nghiên cứu đó đề xuất những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm, nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng nhằm ổn định trật tự xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tội gây rối trật tự công cộng theo pháp luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử loại tội này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

+ *Phạm vi về nội dung:* Tội gây rối trật tự công cộng được quy định ở Điều 245 chương XIX Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Trong khuôn khổ luận văn này, tác giả xác định phạm vi nghiên cứu tội gây rối trật tự công cộng thực tiễn xử lý tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Phạm vi về thời gian:* Khảo sát thực tế trong 5 năm, từ năm 2011 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng Triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta về đấu tranh phòng và chống tội phạm, các văn bản, tài liệu chuyên ngành khoa học pháp lý như: lịch sử pháp luật, lý luận về Nhà nước và pháp luật, luật hình sự, tội phạm học, luật tố tụng hình sự cũng như những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên tạp chí của một số nhà khoa học luật hình sự Việt Nam.

5.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành như: so sánh, phân tích, thống kê tài liệu, số liệu và tổng hợp các tri thức khoa học luật hình sự.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần hoàn thiện lý luận về tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam, phân biệt tội phạm này với một số tội phạm khác hay có sự nhầm lẫn trong thực tiễn; làm sáng tỏ các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 về tội gây rối trật tự công cộng và thực tiễn áp dụng quy định này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (2011-2015). Qua đó, chỉ ra những mâu thuẫn, bất cập và các sai sót trong quá trình áp dụng để tìm ra nguyên nhân và đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự trong việc xét xử tội gây rối trật tự công cộng trên thực tiễn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Những đề xuất của đề tài có thể được nghiên cứu, sử dụng trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật phòng chống tội phạm, cũng như trong hoạt động tố tụng, nhất là trong việc điều tra, truy tố, xét xử, định tội danh, quyết định hình phạt .v.v... đối với các vụ án có liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu về khoa học pháp lý nói chung, khoa học luật hình sự và áp dụng thực tiễn công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật. Luận văn cũng có thể dùng làm tài liệu giảng dạy, tham khảo tại các trường Đại học luật, các cơ sở đào tạo nghề luật...

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phụ lục, nội dung của đề tài được cấu trúc thành 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về tội gây rối trật tự công cộng theo pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và thực tiễn áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3: Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm tội gây rối trật tự công cộng

Để làm rõ khái niệm tội gây rối trật tự công cộng, trước hết, cần nghiên cứu khái niệm hành vi gây rối trật tự công cộng.

Theo từ điển Bách Khoa Toàn Thư Việt Nam thì “Trật tự công cộng là trạng thái xã hội có trật tự được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, quy phạm nhất định ở những nơi công cộng mà mọi người phải tuân theo. Trật tự công cộng là một mặt của trật tự, an toàn xã hội và có nội dung bao gồm những quy định chung về trật tự, vệ sinh, văn hóa; sự tuân thủ những quy định của pháp luật và phong tục, tập quán, sinh hoạt được mọi người thừa nhận; tình trạng yên ổn, có trật tự, tôn trọng lẫn nhau trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.”

Nói một cách ngắn gọn về mặt pháp lý, “trật tự công cộng là hệ thống các quan hệ xã hội được hình thành và điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật và các nội quy, quy tắc về trật tự chung, an toàn chung, mà đòi hỏi mọi thành viên của xã hội phải tuân theo những quy định chung đó nhằm đảm bảo cho cuộc sống, lao động, sinh hoạt bình thường của mọi người trong xã hội.” Như vậy, trật tự công cộng có nội hàm rộng, tất cả những gì thuộc về trật tự chung, an toàn chung, vệ sinh chung, mỹ quan chung đều là trật tự công cộng. Vì thế, hành vi gây rối trật tự công cộng có thể hiểu là nhóm các hành vi xâm phạm trật tự công cộng, vi phạm quy tắc xử sự được đặt ra cho mỗi con người ở nơi công cộng, xâm phạm tình trạng ổn định của sinh hoạt chung xã hội.

Một cách cụ thể hơn, hành vi gây rối trật tự công cộng có thể là các hành vi xâm phạm đến con người, đến quyền hoặc lợi ích hợp pháp của con người; hoặc xâm phạm đến sở hữu và diễn ra tại nơi công cộng. Trong đó, nơi công cộng được hiểu là những địa điểm “kín” (rap hát, siêu thị ...) hoặc “mở” (sân vận động, công viên, quảng trường, đường phố, chợ ...) mà ở đó các hoạt động chung xã hội được diễn ra thường xuyên hoặc không thường xuyên.

Biểu hiện cụ thể của hành vi gây rối trật tự công cộng có thể là: Lời nói, cử chỉ thiếu văn hóa xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của một hoặc nhiều người; hành vi phá phách hoặc làm ô uế các công trình, thiết bị ở nơi công cộng; hò hét, tạo tiếng động gây âm ỉ, gây náo loạn, gây nên xáo trộn, hoảng sợ cho những người xung quanh; đua xe trái phép; hành hung người làm nhiệm vụ hoặc người tự nguyện tham gia bảo vệ trật tự nơi công cộng; tụ tập ẩu đả, đánh nhau ở nơi công cộng...

Tóm lại, hành vi gây rối trật tự công cộng rất dễ được bắt gặp trong cuộc sống hằng ngày. Thế nhưng, hành vi gây rối trật tự công cộng có thể là hành vi vi phạm pháp luật hoặc là hành vi phạm tội. Hành vi vi phạm, xâm hại trật tự công cộng do pháp luật được đặt ra mà có tính chất đơn giản, rõ ràng và hậu quả không nghiêm trọng, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì chỉ được xem là vi phạm hành chính, còn *“tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự”*. [24, Điều 8]

Tuy nhiên, trong thực tiễn có những trường hợp rất khó phân biệt hành vi vi phạm hành chính và tội phạm, bởi vì vi phạm hành chính và tội phạm có những điểm rất giống nhau, trong nhiều trường hợp giữa vi phạm hành chính và tội phạm chỉ là một ranh giới mỏng manh mà vượt qua nó là vi phạm hành chính có thể chuyển đổi thành tội phạm trong những điều kiện nhất định.

Dù vậy, để phân biệt được hành vi gây rối trật tự công cộng là hành vi vi phạm hay tội phạm, chúng ta có thể dựa vào những đặc điểm sau: mức độ nguy hiểm cho xã hội, đối tượng bị xử phạt, cơ quan có thẩm quyền xử lý, thủ tục xử lý.v.v...

Thêm vào đó, chế tài xử lý vi phạm hành chính có mức độ nhẹ hơn nhiều so với các chế tài hình sự. Chế tài hành chính chủ yếu đánh vào yếu tố vật chất, tinh

thần của người vi phạm (cảnh cáo, phạt tiền ...), trong khi đó, chế tài hình sự phần nhiều bao gồm cả những hình phạt tước đoạt hoặc không tước đoạt tự do của người phạm tội. Theo quy định của điểm b Khoản 1 Điều 24 Luật xử lý vi phạm hành chính, các hành vi vi phạm trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giao thông đường bộ; giao dịch điện tử; bưu chính; có thể bị phạt tiền đến 40 triệu đồng [27, Điều 24].

Trong khi đó, nhìn nhận hành vi gây rối trật tự công cộng dưới góc độ tội phạm, thì tội gây rối trật tự công cộng được chính thức quy định trong luật hình sự Việt Nam kể từ khi có BLHS năm 1985. Trước đó, luật hình sự Việt Nam cũng đã coi hành vi thuộc loại này là tội phạm nhưng chưa có tên gọi như trong BLHS. BLHS hiện hành quy định tội gây rối trật tự công cộng tại Điều 245 như sau:

Điều 245: Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a. Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách;*
- b. Có tổ chức;*
- c. Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;*
- d. Xúi giục người khác gây rối;*
- đ. Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;*
- e. Tái phạm nguy hiểm.”*

Trong quy định của điều luật đã bao gồm luôn định nghĩa: “Tội gây rối trật tự công cộng là hành vi gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm...”.

Như vậy, có thể đưa ra khái niệm như sau:

Tội gây rối trật tự công cộng là hành vi làm rối loạn các hoạt động ở những nơi công cộng, hành vi xâm hại trật tự an toàn công cộng, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn công cộng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Từ khái niệm nêu trên, có thể đưa ra các đặc trưng cơ bản của tội gây rối trật tự công cộng như sau:

Một là, tội gây rối trật tự công cộng nằm trong nhóm tội xâm phạm đến an toàn công cộng, đến các quy tắc đi lại, làm việc, sinh hoạt, vui chơi, trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, nếp sống văn minh, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mọi người ở nơi công cộng. Trong nhiều trường hợp hành vi gây rối trật tự công cộng còn đe dọa đến tài sản của Nhà nước, tổ chức, công dân; sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người.

Hai là, tội gây rối trật tự công cộng là hành vi hò hét, làm náo động, phá phách, hành hung người khác hoặc có hành vi khác làm rối loạn các hoạt động bình thường ở những nơi công cộng, gây thiệt hại hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn công cộng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Ba là, tội gây rối trật tự công cộng do người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý với hình thức cố ý trực tiếp.

Bốn là, người thực hiện tội gây rối trật tự công cộng không có mục đích chống chính quyền nhân dân.

1.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với một số tội phạm khác

Qua thực tế xét xử đối với các tội có liên quan đến trật tự an toàn công cộng, vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, còn khá nhiều sự nhầm lẫn giữa tội gây rối trật tự công cộng với một số tội khác như tội bạo loạn, tội phá rối an ninh, tội đua xe trái phép, tội chống người thi hành công vụ... Vì vậy, khoa học luật hình sự cần xây

dựng các tiêu chí cơ bản phân biệt các tội phạm này với nhau nhằm tránh nhầm lẫn, giúp cho việc định tội danh được chính xác, đảm bảo sự công minh của pháp luật.

1.2.1. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội bạo loạn

Như chúng ta đã biết, mặc dù thuộc hai nhóm tội khác nhau được quy định trong BLHS nhưng tội bạo loạn và tội gây rối trật tự công cộng có những dấu hiệu tương đồng nhất định nên công việc phân biệt hai tội trên là rất cần thiết cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Tội bạo loạn được quy định tại Điều 82 BLHS 1999. Ở cấu thành cơ bản của tội bạo loạn, hành vi của tội này được mô tả là *hoạt động vũ trang hay dùng bạo lực có tổ chức* nhằm mục đích là *chống chính quyền nhân dân*.

Như vậy, cả hai hành vi này đều gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an ninh, an toàn xã hội. Tuy nhiên đặc điểm pháp lý của tội bạo loạn khác với đặc điểm pháp lý của tội gây rối trật tự công cộng ở các điểm sau:

- Về khách thể: khách thể của tội gây rối trật tự công cộng là trật tự, an toàn xã hội; thì khách thể của tội bạo loạn là an ninh quốc gia. Khách thể trực tiếp của hành vi bạo loạn và hành vi gây rối trật tự công cộng giống nhau ở chỗ đều xâm hại đến trật tự an toàn xã hội, hoạt động của cơ quan, tổ chức, xã hội, đời sống nhân dân; nhưng khác nhau ở chỗ hành vi bạo loạn còn xâm hại đến sự vững mạnh của chính quyền nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân.

- Về mặt khách quan của tội phạm: Hành vi khách quan của tội gây rối trật tự công cộng được thực hiện bằng nhiều phương thức khác nhau như: tập trung đông người ở nơi công cộng; đuổi đánh nhau, hò hét gây náo động làm mất trật tự công cộng; đập phá các tài sản, các công trình ở nơi công cộng v.v..., hành vi gây rối trật tự công cộng có thể do một hoặc nhiều người thực hiện và không phải là hoạt động vũ trang. Trong khi đó, hành vi khách quan của tội bạo loạn diễn ra dưới hình thức đồng phạm thường bao gồm:

+ Hoạt động vũ trang: tập hợp đông người, có trang bị vũ khí chống lại chính quyền hay lực lượng vũ trang nhân dân [1, tr. 50-51].

+ Dùng bạo lực có tổ chức: là lôi kéo, tụ tập nhiều người không có vũ trang hoặc tuy có nhưng không đáng kể, tiến hành các hoạt động như mít tinh, biểu tình, xúc phạm cơ quan Nhà nước, đập phá tài sản...

Mục đích phạm tội của tội bạo loạn khác tội gây rối trật tự công cộng ở chỗ hành vi của tội bạo loạn nhằm chống chính quyền nhân dân thể hiện cụ thể là nhằm gây khó khăn cho chính quyền trong việc giữ gìn an ninh chính trị và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, làm suy yếu chính quyền nhân dân.

Địa điểm phạm tội của tội gây rối trật tự công cộng có thể là bất kỳ đâu thuộc khu vực sinh hoạt công cộng; trong khi tội bạo loạn với mục đích chống chính quyền nhân dân nên địa điểm phạm tội thường được tính toán và bàn bạc trước để thực hiện ở những nơi chủ chốt của chính quyền như: doanh trại, trụ sở Đảng, trụ sở các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; v.v...

- Chủ thể của tội bạo loạn là bất kỳ ai từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 12 BLHS. Trong khi đó, chủ thể của tội gây rối trật tự công cộng không phải là chủ thể đặc biệt, chỉ người đủ 16 tuổi trở lên có năng lực chịu trách nhiệm hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này.

1.2.2. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội phá rối an ninh

Tội phá rối an ninh được quy định tại Điều 89 BLHS 1999. Cũng như đối với tội bạo loạn, khách thể của tội phá rối an ninh là an ninh quốc gia chứ không phải là trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, tội gây rối trật tự công cộng và tội phá rối an ninh có những điểm tương đồng như: khách thể trực tiếp của các tội này đều xâm phạm các quy định của Nhà nước về trật tự xã hội, an toàn xã hội, hoạt động bình thường, ổn định của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Hành vi khách quan đều là những hành vi gây rối, chống đối, cản trở; được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Nhưng tội phá rối an ninh có những điểm khác với tội gây rối trật tự công cộng như sau:

- Chủ thể của tội phá rối an ninh là người từ đủ 14 tuổi trở lên, có năng lực chịu trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 12 BLHS. Trong khi đó, chỉ người đủ 16 tuổi trở lên có năng lực chịu trách nhiệm hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng.

- Mục đích phạm tội của tội phá rối an ninh là chống chính quyền nhân dân. Đây là dấu hiệu bắt buộc để phân biệt giữa tội phá rối an ninh với tội gây rối trật tự công cộng.

- Địa điểm phạm tội của tội gây rối trật tự công cộng có thể là bất kỳ đâu thuộc khu vực sinh hoạt công cộng; trong khi hành vi phá rối an ninh thường được thực hiện tại trụ sở các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; v.v...

1.2.3. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội đua xe trái phép

Tội đua xe trái phép được quy định tại Điều 207 BLHS 1999. Tội đua xe trái phép giống tội gây rối trật tự công cộng ở chỗ, hành vi của các tội này đều do chủ thể là người từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện; hành vi khách quan đều xâm phạm đến an toàn công cộng, trật tự công cộng, đe dọa xâm phạm nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác. Trong cấu thành cơ bản của hai tội này đều quy định hành vi được xem là tội phạm khi đã bị xử phạt hành chính hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Hậu quả của hành vi vừa là dấu hiệu bắt buộc, vừa là dấu hiệu không bắt buộc để truy cứu trách nhiệm hình sự của cả hai tội này. Hậu quả là dấu hiệu bắt buộc nếu người phạm tội chưa bị xử phạt hành chính về hành vi đua xe trái phép hoặc chưa bị kết án về tội này hoặc tuy đã bị kết án về tội này nhưng đã được xóa án tích. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc nếu người phạm tội đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã được kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Trong quy định của BLHS, ngoài những điểm tương đồng, tội đua xe trái phép có những điểm khác biệt cơ bản với tội gây rối trật tự công cộng. Ở tội đua xe trái phép, hành vi khách quan là hành vi điều khiển xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ tham gia cuộc đua gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn công cộng, gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản của người khác. Tội phạm hoàn thành từ khi người phạm tội bắt đầu điều khiển xe tham gia cuộc đua.

Đặc biệt, cần lưu ý khi xử lý các vụ án liên quan đến hành vi đua xe trái phép là: chỉ người điều khiển xe tham gia cuộc đua mới là người thực hiện hành vi đua xe, còn người ngồi sau xe đua (nếu có) chỉ là người cổ vũ, họ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đua xe trái phép mà tùy trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng. Ngoài ra, chỉ coi là hành vi phạm tội đua xe trái phép nếu phương tiện mà người sử dụng vào việc đua xe ô tô, xe máy hoặc các loại xe khác có gắn động cơ, nếu phương tiện dùng vào việc đua xe là xe thô sơ như xe đạp, xe xích lô thì không bị coi là hành vi phạm tội này. Nếu hành vi đua xe thô sơ trái phép gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy trường hợp người có hành vi đua xe đó có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng hoặc vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ [54].

Địa điểm phạm tội của tội đua xe trái phép, tuy cũng là nơi công cộng nhưng chủ yếu trên các tuyến đường giao thông, tuyến phố lớn, đường quốc lộ, tỉnh lộ v.v... Còn địa điểm của tội gây rối trật tự công cộng thì có thể là bất kỳ đâu, miễn là khu vực diễn ra sinh hoạt chung của nhiều người trong xã hội.

1.2.4. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội chống người thi hành công vụ

Tội chống người thi hành công vụ được quy định tại điều 257 BLHS năm 1999. Tội gây rối trật tự công cộng và tội chống người thi hành công vụ giống nhau ở chỗ chủ thể của cả hai tội này là người từ đủ 16 tuổi trở lên có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội được thực hiện một cách cố ý, thường xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của những người khác. Dù vậy, hai tội này có những điểm khác nhau như sau:

- Khách thể của tội chống người thi hành công vụ là trật tự quản lý hành chính, chứ không phải an toàn công cộng và trật tự công cộng. Trong cấu thành của tội chống người thi hành công vụ có nêu “*cản trở người thi hành công vụ thực hiện công vụ của họ hoặc ép buộc họ thực hiện hành vi trái pháp luật*”. Như vậy, so với tội gây rối trật tự công cộng, khách thể của tội chống người thi hành công vụ là sự

hoạt động bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội trong việc thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước.

- Hành vi khách quan của tội này là nhằm xâm phạm, cản trở hoạt động thực hiện nhiệm vụ của người đang thi hành công vụ hoặc buộc người thi hành công vụ thực hiện hành vi trái pháp luật.

Người thi hành công vụ là người được Nhà nước hoặc xã hội giao cho những nhiệm vụ, quyền hạn nhất định trong quản lý lĩnh vực hành chính Nhà nước nhất định (cán bộ thuế vụ, cảnh sát giao thông, bộ đội biên phòng, và người đang thực hiện công vụ).

Tội cản trở người thi hành công vụ còn khác tội gây rối trật tự công cộng ở chỗ: hậu quả không là dấu hiệu bắt buộc để truy cứu trách nhiệm hình sự. Chỉ cần người phạm tội biết mình đang cản trở người thi hành công vụ hoặc cưỡng ép người thi hành công vụ làm trái pháp luật thì không cần có hậu quả vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Địa điểm phạm tội của tội chống người thi hành công vụ có thể là bất kỳ nơi đâu, chứ không nhất thiết là ở những nơi công cộng như đối với tội gây rối trật tự công cộng.

1.2.5. Phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 104 BLHS. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác so sánh với tội gây rối trật tự công cộng cho có những điểm tương đồng như: Hành vi phạm tội đều có thể dẫn đến hậu quả là làm náo loạn, xâm hại đến trật tự những nơi công cộng, và có thể gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác. Tuy nhiên, hành vi khách quan của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được thể hiện bằng hành vi gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của con người với tỷ lệ thương tật từ 11% trở lên hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp do BLHS quy

định. Ngoài ra, tội gây rối trật tự công cộng và tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có một số điểm khác nhau như sau:

- Chủ thể của tội phạm cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác: Quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS, thì người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này nếu hành vi phạm tội thuộc trường hợp rơi vào khoản 3 của điều luật.

- Khách thể của tội gây rối trật tự công cộng là an toàn công cộng và trật tự công cộng; còn khách thể của tội cố ý gây thương tích là tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

- Về mặt khách quan, có hậu quả xảy ra là thương tích hoặc tổn hại sức khỏe của người khác ở mức mà điều luật quy định là điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác.

- Không giống như đối với tội gây rối trật tự công cộng, địa điểm phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác có thể là bất kỳ đâu chứ không nhất thiết phải ở nơi công cộng.

Như vậy, mặc dù tội gây rối trật tự công cộng nhìn ở góc độ này hay góc độ khác có những điểm tương đồng so với tội bạo loạn, tội phá rối an ninh, tội đua xe trái phép, tội chống người thi hành công vụ, cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác... nhưng giữa chúng có các sự khác biệt cơ bản thông qua hành vi phạm tội, lỗi, hậu quả, địa điểm phạm tội... Việc phân biệt này mang ý nghĩa lý luận và thực tiễn khi xét xử đối với hành vi gây rối trật tự công cộng, đảm bảo đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, góp phần nâng cao pháp chế XHCN.

1.3. Khái quát lịch sử lập pháp về tội gây rối trật tự công cộng

1.3.1. Giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến ban hành Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1985

Sau Cách mạng tháng Tám, để duy trì sự ổn định của các quan hệ xã hội, chính quyền cách mạng chủ trương tiếp tục áp dụng các văn bản pháp luật của chế độ cũ, đồng thời tích cực ban hành nhiều văn bản mới trong lĩnh vực luật hình sự. Cần lưu ý là Sắc lệnh ngày 10/10/1945 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng

hòa chỉ cho phép áp dụng văn bản pháp luật của chế độ cũ chứ không thừa nhận các án lệ cũ. Chính điểm khởi đầu này đã định hướng cho xu hướng vận động, phát triển nguồn của luật hình sự Việt Nam ở giai đoạn tiếp sau: *xu hướng coi văn bản quy phạm là nguồn cơ bản, chủ đạo của luật hình sự Việt Nam hiện đại*. Do hoàn cảnh chiến tranh và sự thiếu kinh nghiệm xây dựng pháp luật, trong suốt một thời gian dài, nguồn văn bản của Luật hình sự Việt Nam là một tập hợp của các văn bản đơn hành với nhiều hình thức tên gọi như Sắc lệnh, Thông tư, Điều lệ, v.v... Theo đó, ngay từ khi mới giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời ban hành nhiều văn bản không chỉ bảo vệ các thành quả của cách mạng, mà còn bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tổ chức, tính mạng, sức khỏe, tài sản của công dân, đồng thời còn bảo vệ hoạt động bình thường, ổn định xã hội ở những nơi công cộng, mặc dù chưa đề cập trực tiếp đến tội gây rối trật tự công cộng, như Điều lệ tạm thời số 329-TTg ngày 17/9/1954 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý các loại vũ khí; Thông tư số 55-TTg ngày 24/12/1958 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sự lãnh đạo đối với việc bắt giữ, truy tố và xét xử, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: "... Nhiệm vụ thứ ba của Công an, Công tố và Tòa án là bảo vệ *trật tự, trị an của xã hội*...".[32, tr.85]

Sau đó, để bảo đảm pháp chế, bảo vệ trật tự công cộng và tài sản công cộng, Hiến pháp năm 1959 đã quy định: "Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hòa có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật lao động, *trật tự công cộng*, và những quy tắc sinh hoạt xã hội" (Điều 39) và "Tài sản công cộng của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa là thiêng liêng không thể xâm phạm. Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản công cộng" (Điều 40)[23, tr.42].

Giai đoạn những năm 1965 – 1975, trong phương hướng, nhiệm vụ công tác của Đảng và Nhà nước đã lưu ý việc chú trọng hơn việc đấu tranh chống các tội phạm nghiêm trọng về trị an xã hội và về kinh tế nhằm góp phần tích cực vào bảo vệ trị an, bảo vệ tài sản XHCN, tài sản và những quyền lợi hợp pháp của nhân dân, đặc biệt chú trọng xử lý đúng đắn và kịp thời những tội phạm gây trở ngại cho việc

phòng gian bảo mật, sơ tán, thực hiện các nghĩa vụ quân sự, tăng cường và bảo vệ giao thông liên lạc, vận tải...

Đặc biệt, để điều chỉnh trực tiếp một số loại tội phạm nghiêm trọng, phổ biến trong đó có tội gây rối trật tự công cộng, Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời đã ban hành Sắc lệnh số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 quy định *Các tội phạm và hình phạt* [38], trong đó đã quy định tại Điều 9 - Tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe nhân dân với việc bảo vệ các khách thể - trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe nhân dân tránh khỏi sự xâm phạm của tội phạm như sau:

Phạm một trong các tội sau đây:

- *Tụ tập đông người nhằm gây náo động trong dân chúng và khuấy rối trật tự ngoài đường phố hoặc ở các nơi công cộng chống lại nhân viên nhà nước khi làm nhiệm vụ;*

- *Vi phạm luật lệ giao thông gây tai nạn nghiêm trọng;*

- *Tổ chức du đãng có hành động càn quấy, đe dọa tánh mạng người khác và an toàn xã hội;*

- *Cờ bạc, tổ chức ổ mại dâm, buôn bán, tàng trữ ma túy và các chất độc khác; thì bị phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 15 năm.*

Trong mọi trường hợp, có thể bị phạt tiền đến 1.000 đồng ngân hàng.

Sau đó, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 03-BTP tháng 4/1976 về hướng dẫn thi hành Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15/3/1976 quy định các tội phạm và hình phạt, trong đó có hướng dẫn cụ thể hơn xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của nhân dân gồm các tội:

- *Tụ tập đông người nhằm gây náo động trong dân chúng và khuấy rối trật tự ngoài đường phố hoặc ở các nơi công cộng chống lại nhân viên nhà nước khi làm nhiệm vụ;*

- *Vi phạm luật lệ giao thông gây tai nạn nghiêm trọng;*

- *Tổ chức du đãng có hành động càn quấy, đe dọa tánh mạng người khác và an toàn xã hội;*

- Cờ bạc, tổ chức ổ mại dâm, buôn bán, tàng trữ ma túy và các chất độc khác trái phép;

Ngoài ra, những hành vi sau đây cũng bị coi là tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của nhân dân và bị xử phạt theo Điều 9 Sắc luật:

- Giả danh cán bộ, bộ đội, nhân viên an ninh;

- Cố ý vi phạm quy tắc quản lý vũ khí, chất nổ;

- Trốn trại giam hoặc tổ chức cho kẻ khác trốn trại giam, không vì mục đích phản cách mạng;

- Phản tuyên truyền, chống lại việc thực hiện các chính sách và pháp luật nhà nước, không vì mục đích phản cách mạng;

- Cố ý truyền bá, lưu hành các tác phẩm văn hóa đồi trụy, không vì mục đích phản cách mạng;

- Xuất cảnh, nhập cảnh trái phép, không vì mục đích phản cách mạng;

- Vi phạm các quy định về quyền lập hội và quyền hội họp.

Phạm các tội trên nếu vượt quá mức độ xử lý hành chính, thì bị truy tố và xét xử về hình sự và bị phạt từ 3 tháng đến 5 năm. Trường hợp nghiêm trọng, thì bị phạt tù đến 15 năm tù. Ngoài ra, còn có thể bị phạt tiền đến 1.000 đồng và có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Kẻ phạm tội có tính chất chuyên nghiệp còn bị phạt quản chế hoặc cấm lưu trú ở một địa phương từ 1 năm đến 5 năm, sau khi mãn hạn tù.

Sau đó, để giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Nghị định số 94/HĐBT ngày 02/7/1984 quy định bổ sung các Nghị định số 175/CP ngày 11/12/1964 và số 33/CP ngày 24/02/1973 trước đó về quản lý vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao quốc phòng, tàng trữ, sử dụng vật liệu nổ. Trong đó quy định cụ thể về việc nổ súng, có những trường hợp cấp bách được nổ súng vào đối tượng khi không còn biện pháp nào khác để ngăn chặn ngay đối tượng đang thực hiện hành vi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc để thực hiện quyền tự vệ chính đáng theo luật định:

1. Những kẻ đang dùng vũ lực gây bạo loạn, đang phá hoại, đang hành hung cán bộ, chiến sĩ bảo vệ, đang tấn công đối tượng, mục tiêu bảo vệ;

2. Những kẻ đang phá trại giam, cướp phạm nhân, những phạm nhân đang nổi loạn, cướp vũ khí phá trại giam hoặc dùng vũ lực uy hiếp tính mạng cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ quản lý, canh gác, dẫn giải tội phạm; những kẻ phạm tội uy hiếp đang bị giam giữ, đang bị dẫn giải hoặc đang có lệnh bắt giữ mà chạy trốn;

3. Những kẻ không tuân lệnh của cán bộ, chiến sĩ đang tiến hành tuần tra, canh gác, khám, lại dùng vũ lực chống lại, uy hiếp nghiêm trọng tính mạng cán bộ thừa hành nhiệm vụ hoặc tính mạng của nhân dân;

4. Bọn lưu manh, côn đồ đang giết người, hiếp dâm, **gây rối trật tự rất nghiêm trọng**, đang dùng vũ lực cướp phá tài sản xã hội chủ nghĩa hoặc tài sản của công dân;

5. Người điều khiển phương tiện không tuân lệnh, cố tình chạy trốn khi người kiểm soát phương tiện giao thông vận tải ra lệnh và đã biết rõ trên phương tiện có vũ khí hoặc tài liệu bí mật quốc gia, có tài sản đặc biệt quý giá của Nhà nước hoặc có bọn tội phạm lưu manh, côn đồ đang sử dụng phương tiện để chạy trốn thì đối với trường hợp này được phép bắn hỏng phương tiện để bắt giữ đối tượng.

Như vậy, luật đã quy định rất rõ trường hợp "bọn lưu manh, côn đồ đang giết người, hiếp dâm, gây rối trật tự rất nghiêm trọng, đang dùng vũ lực cướp phá tài sản XHCN hoặc tài sản của công dân" nếu trong trường hợp đặc biệt, pháp luật cũng trao quyền cho người đang thi hành công vụ được xử lý nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của xã hội, của Nhà nước, quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Về sau, Nhà nước cũng ban hành nhiều văn bản pháp luật hình sự để điều chỉnh kịp thời các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, vừa phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, quyền làm chủ của nhân dân, quyền bình đẳng giữa các dân tộc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, mà còn nhằm duy trì trật tự, an toàn xã hội, đồng thời pháp luật hình sự còn góp phần chống lại mọi hành vi phạm tội, giáo dục người ý thức chấp hành và tuân theo pháp luật. Tuy nhiên, việc ban hành nhiều văn bản nhưng còn chưa tập trung, thống nhất và

đồng bộ đòi hỏi Nhà nước cần ban hành một văn bản mang tính khái quát, có hệ thống và bao quát đầy đủ các lĩnh vực bị tội phạm xâm phạm đến, cũng như tránh việc áp dụng pháp luật theo nguyên tắc "trương tịt", nhiều văn bản pháp luật trước đó đã không đáp ứng và phục vụ kịp thời quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử do đã lạc hậu, lỗi thời. Chính vì vậy, Nhà nước đã ban hành BLHS đầu tiên – Bộ luật hình sự năm 1985.

1.3.2. Giai đoạn Bộ luật hình sự 1985 có hiệu lực thi hành cho đến nay

Trong BLHS năm 1985, tội gây rối trật tự công cộng đã được quy định tại Điều 198, Mục B, Chương VIII như sau:

Điều 198. Tội gây rối trật tự công cộng

1- Người nào gây rối trật tự ở nơi công cộng thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm:

a) Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách;

b) Lôi kéo, kích động người khác gây rối;

c) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng.”

BLHS năm 1985 ra đời đã hệ thống hóa pháp luật hình sự bằng các quy định khá cụ thể, chi tiết và sáng tạo đối với tội gây rối trật tự công cộng, nhưng điều luật này quy định khá đơn giản và mức hình phạt cũng khá nhẹ. Theo cấu thành cơ bản tại khoản 1 Điều 198 thì chỉ cần một người nào đó có hành vi gây rối trật tự ở nơi công cộng thì sẽ bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà không cần đòi hỏi phải có hậu quả của hành vi phạm tội phải xảy ra. Với cách quy định không rõ ràng như thế, rất khó phân biệt giữa hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng và hành vi vi phạm hành chính.

Để khắc phục các hạn chế của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã ra đời (có hiệu lực ngày 01/07/2000). Ở Bộ luật này thì chương VIII - các tội xâm phạm an toàn trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính trong BLHS 1985 được chia

thành hai chương: chương XIX - các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng và chương XX - các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính. Tội gây rối trật tự công cộng được quy định tại Điều 245 BLHS năm 1999 như sau:

Điều 245: Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a. Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách;*
- b. Có tổ chức;*
- c. Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;*
- d. Xúi giục người khác gây rối;*
- đ. Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;*
- e. Tái phạm nguy hiểm.”*

Quy định này đã xác định rõ hơn ranh giới giữa tội gây rối trật tự công cộng và hành vi vi phạm hành chính. Theo đó, trong cấu thành cơ bản tại khoản 1 Điều 245 về tội gây rối trật tự công cộng đã bao gồm luôn yếu tố để phân biệt giữa hành vi vi phạm và tội phạm bằng chi tiết “*gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm*”. Như vậy, so với Điều 198 BLHS năm 1985, Điều 245 BLHS năm 1999 quy định chặt chẽ hơn và mức độ hình phạt cũng nặng hơn. Điều luật rất chú trọng đến hậu quả của hành vi gây rối là điều kiện cấu thành tội phạm. Theo đó phải có hậu quả xảy ra nhưng phải ở mức độ nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này, hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì mới cấu thành tội gây rối trật tự công cộng.

Để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, BLHS năm 2015 vừa mới được Quốc hội thông qua vào ngày 27/11/2015, trong đó, tội gây rối trật tự công cộng được quy định tại Điều 318 như sau:

Điều 318: Tội gây rối trật tự công cộng

“1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a. Có tổ chức;*
- b. Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách;*
- c. Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;*
- d. Xúi giục người khác gây rối;*
- đ. Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;*
- e. Tái phạm nguy hiểm.”*

So với quy định tại Điều 245 BLHS năm 1999, quy định tại Điều 318 BLHS năm 2015 có những điểm mới như sau :

Ở quy định dấu hiệu cấu thành tội phạm: Trong khi Điều 245 BLHS năm 1999 quy định dấu hiệu cấu thành là “*gây hậu quả nghiêm trọng*” thì ở BLHS 2015 chỉ cần hành vi “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” thì đã có thể bị xem là tội phạm.

Mức phạt tiền tại Điều 318 BLHS năm 2015 được quy định “*từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”, cao hơn so với Điều 245 BLHS năm 1999 để phù hợp với thực tiễn.

Ngoài ra, ở khoản 2 Điều 318, quy định các tình tiết định khung tăng nặng, có sự hoán đổi vị trí của điểm a và điểm b so với khoản 2 Điều 245 BLHS năm 1999. Thêm vào đó, ở tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm b Điều 318 BLHS

năm 2015 được thay đổi thành “*Dùng vũ khí, hung khí hoặc có hành vi phá phách*”. Như vậy, theo quy định của BLHS năm 2015, thì dùng vũ khí hay hung khí cũng đều là tình tiết định khung tăng nặng của tội gây rối trật tự công cộng.

Kết luận Chương 1

Tội gây rối trật tự công cộng trong pháp luật hình sự ở nước ta đã có lịch sử hình thành và phát triển lâu dài. Qua những thời kỳ nhất định, tùy theo thực tiễn xã hội, tội gây rối trật tự công cộng được quy định khác nhau theo hướng ngày càng hoàn thiện nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý trật tự xã hội, an toàn xã hội một cách hiệu quả nhất; đồng thời, góp phần đấu tranh phòng, chống và xử lý đối với tội phạm này.

Thông qua Chương 1 của luận văn, về mặt lý luận, khái niệm về tội gây rối trật tự công cộng đã được làm rõ. Bên cạnh đó, Chương 1 của luận văn còn nghiên cứu đưa ra các căn cứ để phân biệt tội gây rối trật tự công cộng với hành vi vi phạm, với một số tội danh khác; đồng thời cũng nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của tội gây rối trật tự công cộng trong quá trình lập pháp hình sự của Nhà nước ta.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Quy định của Bộ luật hình sự 1999 về tội gây rối trật tự công cộng

Tội gây rối trật tự công cộng được quy định tại Điều 245 BLHS hiện hành như sau:

Điều 245: Tội gây rối trật tự công cộng

1. Người nào gây rối trật tự công cộng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a. Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách;*
- b. Có tổ chức;*
- c. Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng;*
- d. Xúi giục người khác gây rối;*
- đ. Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng;*
- e. Tái phạm nguy hiểm.”*

2.1.1. Các dấu hiệu pháp lý thuộc cấu thành tội phạm cơ bản của tội gây rối trật tự công cộng

Hành vi xảy ra được xem là hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự thì hành vi đó phải thỏa mãn các dấu hiệu cần và đủ đặc trưng cho từng tội phạm cụ thể do pháp luật hình sự quy định. Việc làm rõ khái niệm và phân tích các dấu hiệu pháp lý hình sự của tội gây rối trật tự công cộng qua các yếu tố cấu thành tội phạm (chủ thể của tội phạm, khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, và mặt chủ quan của tội phạm) có ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng, cụ thể như sau:

Chủ thể của tội phạm

Chủ thể của tội phạm là bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Chủ thể của tội phạm nói chung và chủ thể của tội gây rối trật tự công cộng nói riêng là con người cụ thể, đang sống - thể nhân.

Theo quy định tại Điều 12 BLHS về tuổi chịu trách nhiệm hình sự thì chủ thể của tội phạm gây rối trật tự công cộng là bất kỳ người nào từ đủ 16 tuổi trở lên và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Khách thể của tội phạm

Tội gây rối trật tự công cộng xâm phạm trực tiếp đến trật tự chung, xâm phạm những quy tắc, luật lệ, điều lệ, nội quy... về trật tự công cộng, vi phạm nếp sống văn minh, quy tắc cuộc sống, gây ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mọi người ở nơi công cộng. Ngoài ra, tội gây rối trật tự công cộng còn gây khó khăn, trở ngại cho hoạt động của những người trong cơ quan Nhà nước và xã hội làm nhiệm vụ bảo vệ trật tự công cộng.

Mặt khách quan của tội phạm

Mặt khách quan của tội phạm này có các dấu hiệu sau:

a) Về hành vi khách quan: Người phạm tội thực hiện hành vi gây rối bằng nhiều phương thức khác nhau, thể hiện qua cử chỉ, hành động và thái độ coi thường trật tự ở những nơi đông người như chợ, siêu thị, trường học, nhà thờ, rạp hát, công viên, nhà ga, bến xe, bến tàu, quảng trường, nhà văn hóa, câu lạc bộ, sân vận động, trụ sở cơ quan, tổ chức xã hội, doanh nghiệp, khu dân cư, trường học, bệnh viện, trên các phương tiện giao thông, trên đường phố .v.v... , cụ thể như:

+ Có lời nói thô tục hoặc hành vi thô bạo xúc phạm những người xung quanh tại nơi công cộng (đặc biệt là phụ nữ).

+ Có hành vi gây mất trật tự, gây lộn xộn, náo loạn hoặc là những hành vi càn quấy, dùng vũ lực để quấy phá, làm hư hỏng tài sản của nhà nước, của cá nhân ở nơi công cộng (như đập phá tượng đài, làm hư các biểu tượng, tranh cổ động, xe ô tô ...).

b) Hậu quả:

Điều 245 BLHS quy định: Hành vi phải gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích

mà còn vi phạm thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hậu quả của hành vi gây rối trật tự công cộng là thiệt hại vật chất và phi vật chất được xác định là nghiêm trọng cho xã hội.

Như vậy, hậu quả vừa là dấu hiệu bắt buộc, vừa là không phải dấu hiệu bắt buộc của tội phạm này. Hậu quả là dấu hiệu bắt buộc nếu người phạm tội chưa bị xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng hoặc chưa bị kết án về tội này hoặc tuy đã bị kết án về tội này nhưng đã được xóa án tích. Hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc nếu người phạm tội đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã được kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

Tuy nhiên, như thế nào được xem là "gây hậu quả nghiêm trọng", thì đến năm 2003 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS", trong đó tại mục 5, có hướng dẫn:

"... 5.1. Hành vi gây rối trật tự công cộng mà để hậu quả xảy ra thuộc một trong các trường hợp sau đây bị coi là "gây hậu quả nghiêm trọng" và phải chịu trách nhiệm hình sự ... theo khoản 1 Điều 245 BLHS:

- a) Cản trở, ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ;*
- b) Cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân;*
- c) Thiệt hại về tài sản có giá trị từ mười triệu đồng trở lên;*
- d) Chết người;*
- đ) Người khác bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật từ 31% trở lên;*
- e) Nhiều người bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 31%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 41% trở lên;*
- g) Người khác bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật từ 21% đến 30% và còn thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm triệu đồng trở lên;*

h) Nhiều người bị thương tích hoặc bị tổn hại sức khỏe với tỷ lệ thương tật của mỗi người dưới 21%, nhưng tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 30% đến 40% và còn thiệt hại về tài sản có giá trị từ năm triệu đồng trở lên.”

Ngoài các hậu quả xảy ra về tính mạng, sức khỏe và tài sản được hướng dẫn trên đây, thực tiễn cho thấy có thể còn có hậu quả phi vật chất như hành vi trên có ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, ngoại giao, đến trật tự, an toàn xã hội. Trong các trường hợp này phải tùy theo từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ hậu quả do tội phạm gây ra có phải là nghiêm trọng hay không. Thêm vào đó, trong khoản 2 Điều 245 cũng có nêu các trường hợp được xem là tội phạm nghiêm trọng hơn.

Tuy nhiên, có những trường hợp, tuy có hành vi gây rối đi kèm với một hành vi phạm tội nghiêm trọng khác, thì trong trường hợp này, thường người phạm tội chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng với hành vi phạm tội nghiêm trọng mà họ đã thực hiện, còn hành vi gây rối không bị xem xét trách nhiệm hình sự.

Thực tiễn thường thấy, đối với hành vi gây rối trật tự công cộng thường là hành vi khởi đầu cho những hành vi phạm tội khác kế tiếp như: giết người, cố ý gây thương tích, khủng bố, chống người thi hành công vụ, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản... Tuy nhiên, cũng có trường hợp từ hành vi phạm tội khác mà dẫn đến hành vi gây rối trật tự công cộng như: tổ chức đua xe trái phép, đua xe trái phép, đánh bạc, vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ... Những người bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trong các trường hợp này thường là người có liên quan đến hành vi phạm tội khác nhưng vì không đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm đó nên sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng.

Ví dụ như trong một số trường hợp sau:

- Trường hợp một người có hành vi gây rối trật tự công cộng, xâm phạm các quy định của Nhà nước về trật tự xã hội, an toàn xã hội, hoạt động bình thường, ổn

định của cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tùy theo trường hợp có vũ trang hay không nhưng có mục đích chống chính quyền nhân dân, thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về một trong các tội như tội bạo loạn (Điều 112), Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113), tội phá rối an ninh (Điều 118 BLHS);

- Trường hợp một người có hành vi gây rối trật tự công cộng còn có hành vi xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác thì người phạm tội thường bị xử lý về các tội giết người (Điều 123), tội cố ý gây thương tích... (Điều 134), tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản... (Điều 178 BLHS);

- Trường hợp một người có hành vi gây rối trật tự công cộng nhằm chống người thi hành công vụ thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chống người thi hành công vụ (Điều 330 BLHS);

- Trường hợp một người có hành vi đua xe trái phép gây náo loạn đường phố, xâm phạm nghiêm trọng trật tự công cộng nhưng chưa đủ dấu hiệu pháp lý cấu thành tội đua xe trái phép thì hành vi đó thường bị xử lý về tội gây rối trật tự công cộng. Trong trường hợp hành vi đua xe trái phép thỏa mãn dấu hiệu của cấu thành tội gây rối trật tự công cộng, đồng thời còn thỏa mãn dấu hiệu cấu thành tội đua xe trái phép thì thường chỉ bị xử lý về tội đua xe trái phép (Điều 207 BLHS).

Mặt chủ quan của tội phạm

Theo quy định của BLHS hiện hành thì tội gây rối trật tự công cộng được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, theo đó người phạm tội này nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và mong muốn thực hiện hành vi đó. Hành vi cố ý phạm tội được quy định tại Điều 9 BLHS hiện hành [24, Điều 9].

Điểm chú ý đối với mặt chủ quan của tội gây rối trật tự công cộng thì động cơ, mục đích phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm này. Nếu mục đích, động cơ phạm tội không phải là gây rối trật tự công cộng thì có thể phạm một tội khác tùy vào từng trường hợp cụ thể: "*Người có hành vi gây rối trật tự công cộng nhưng chưa gây ra hậu quả nghiêm trọng và chưa bị cũng xử phạt hành chính về hành vi này hoặc chưa bị kết án về tội này, hoặc tuy đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích thì chưa cấu thành tội*".

2.1.2. Hình phạt

Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình, tại Chương 2, mục 1 - Hành vi vi phạm hành chính và hình thức xử phạt trong lĩnh vực an ninh, trật tự, các hành vi gây rối trật tự công cộng.

Những hành vi vi phạm hành chính, trong đó có hành vi gây rối trật tự nơi công cộng, là cơ sở pháp lý để xử lý hành chính và là dấu hiệu định tội để xử lý hình sự trong trường hợp một người tái phạm về hành vi này sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội gây rối trật tự công cộng.

Nếu đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm có nghĩa là người phạm tội đã bị kết án về tội gây rối trật tự công cộng, chưa được xóa án tích mà còn có hành vi gây rối trật tự công cộng.

Tại Điều 245 BLHS quy định có hai khung hình phạt gồm:

** Khung 1:*

Quy định phạt tiền từ một triệu đồng đến mười triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Các hành vi gây rối trật tự công cộng mà để hậu quả xảy ra thuộc một trong các trường hợp quy định tại điểm 5.1 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 bị coi là "gây hậu quả nghiêm trọng" và phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 245 BLHS [13, Mục 5]

** Khung 2:*

Quy định phạt tù từ 2 năm đến 7 năm được áp dụng đối với người phạm tội có một trong các tình tiết định khung tăng nặng sau đây:

a) Có dùng vũ khí hoặc có hành vi phá phách

- Dùng vũ khí khi thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng là dùng các loại vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao, súng săn và vũ khí thô sơ theo Pháp lệnh quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Số 16/2011/UBTVQH12 ngày 30-06-

2011 của Chính Phủ) nhằm tấn công người khác gây nguy hiểm đến tính mạng hoặc sức khoẻ của người bị tấn công.

- Có hành vi phá phách là trường hợp trong khi thực hiện hành vi gây rối, người phạm tội đã có hành vi đập phá tài sản nhưng thiệt hại tài sản chưa đến mức cấu thành tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác [50]. Nếu hành vi phá phách gây thiệt hại về tài sản đã cấu thành tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác thì người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản [24, Điều 143].

b) Có tổ chức

Cũng như các trường hợp phạm tội có tổ chức khác, phạm tội gây rối trật tự công cộng có tổ chức là trường hợp nhiều người cố ý cùng thực hiện một tội phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, trong đó có người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức.

c) Gây cản trở giao thông nghiêm trọng hoặc gây đình trệ hoạt động công cộng.

Gây cản trở giao thông nghiêm trọng là gây cản trở giao thông từ 2 giờ trở lên hoặc gây cản trở giao thông ở những tuyến giao thông quan trọng, làm ách tắc giao thông trên diện rộng (không phân biệt thời gian bao lâu), theo quy định tại điểm 5.2 của Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 "*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*" của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Gây đình trệ hoạt động công cộng là trường hợp do hành vi gây rối mà hoạt động công cộng bị đình trệ như: phải tạm dừng buổi biểu diễn; phải tạm dừng trận thi đấu; phải tạm dừng các cuộc hội họp, tạm dừng hoạt động xét xử, tạm dừng phương tiện công cộng ... không phân biệt thời gian bị đình trệ dài hay ngắn. [50]

d) Xúi giục người khác gây rối

Xúi giục người khác gây rối là hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện hành vi gây rối. Tuy nhiên, hành vi kích động, dụ dỗ, thúc đẩy người khác thực hiện hành vi gây rối nhưng không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức với vai trò là người xúi giục trong vụ án đồng phạm. Khi xác định hành vi xúi giục người khác gây rối cần phải chú ý:

Nếu việc xúi giục không liên quan trực tiếp đến hành vi gây rối thì không phải là người xúi giục người khác gây rối.

d) Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng

Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng là trường hợp trong khi thực hiện hành vi gây rối, có người can ngăn hoặc yêu cầu chấm dứt hành vi gây rối nhưng người có hành vi gây rối chẳng những không nghe mà còn có hành vi hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng.

Khi xác định tình tiết này cần chú ý: nếu người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng là người đang thi hành công vụ bảo vệ trật tự nơi công cộng mà người phạm tội có hành vi hành hung đối với người này thì thuộc trường hợp chống người thi hành công vụ theo Điều 257 BLHS; nếu gây thương tích thì thuộc trường hợp phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác quy định tại Điều 104 BLHS.

e) Tái phạm nguy hiểm

Là trường hợp phạm tội bị kết án về tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, hoặc tái phạm, chưa được xóa án mà lại phạm tội do cố ý. Như vậy, đối với tội gây rối trật tự công cộng, người phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm chỉ có thể là người đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội gây rối trật tự công cộng, vì đối với tội phạm này không có trường hợp nào là tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Kết quả áp dụng quy định pháp luật để xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Theo số liệu thống kê của các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trong 5 năm (2011 - 2015) thì tổng số vụ án hình sự đã được thụ lý là 36.262 vụ với 59.426 bị cáo; trong đó, Tòa Hình sự TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử

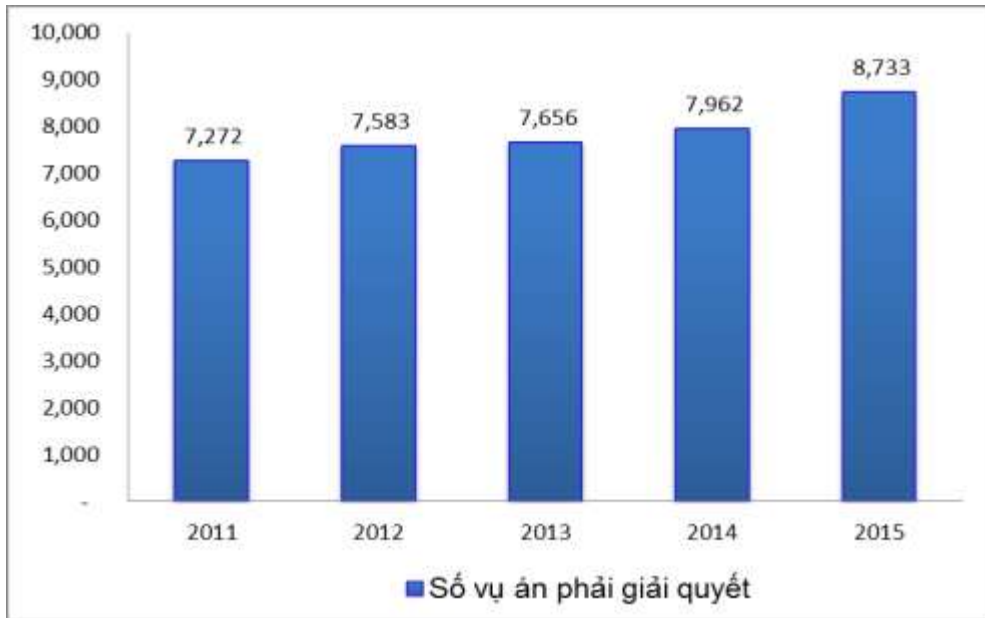
3.383 vụ án hình sự, với 8.315 bị cáo; TAND các quận, huyện đã xét xử 32.879 vụ với 51.111 bị cáo. Số liệu cụ thể qua các năm thể hiện bằng bảng sau:

		Số vụ thụ lý					
		Cũ tồn		Mới thụ lý		Tổng	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	Tòa Hình sự	10	40	532	1.283	542	1.323
	Tòa Quận/Huyện	715	1.165	6.015	9.350	6.730	10.515
	Tổng năm	725	1.205	6.547	10.633	7.272	11.838
2012	Tòa Hình sự	19	53	596	1.402	615	1.455
	Tòa Quận/Huyện	649	1.057	6.319	9.747	6.968	10.804
	Tổng năm	668	1.110	6.915	11.149	7.583	12.259
2013	Tòa Hình sự	10	25	682	1.454	692	1.479
	Tòa Quận/Huyện	737	1.211	6.227	10.062	6.964	11.273
	Tổng năm	747	1.236	6.909	11.516	7.656	12.752
2014	Tòa Hình sự	6	13	716	1.793	722	1.806
	Tòa Quận/Huyện	760	1.369	6.480	10.184	7.240	11.553
	Tổng năm	766	1.382	7.196	11.977	7.962	13.359
2015	Tòa Hình sự	8	13	847	2.343	855	2.356
	Tòa Quận/Huyện	755	1.284	7.123	10.603	7.878	11.887
	Tổng năm	763	1.297	7.970	12.946	8.733	14.243
Tổng	Tòa Hình sự	53	144	3.373	8.275	3.383	8.315
	Tòa Quận/Huyện	3.616	6.086	32.164	49.946	32.879	51.111
	Tổng năm	3.669	6.230	35.537	58.221	36.262	59.426

Bảng 2.1. Số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

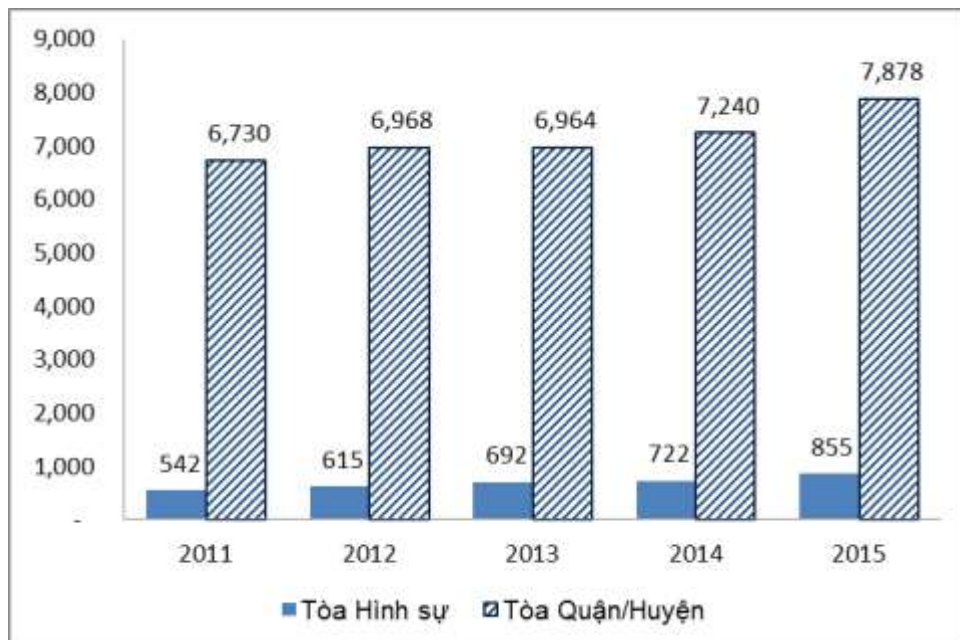
(Nguồn: [31])

Với tổng số vụ án hình sự, số bị cáo đưa ra xét xử trong 5 năm như đã nêu trên có thể minh họa bằng các biểu đồ dưới đây:



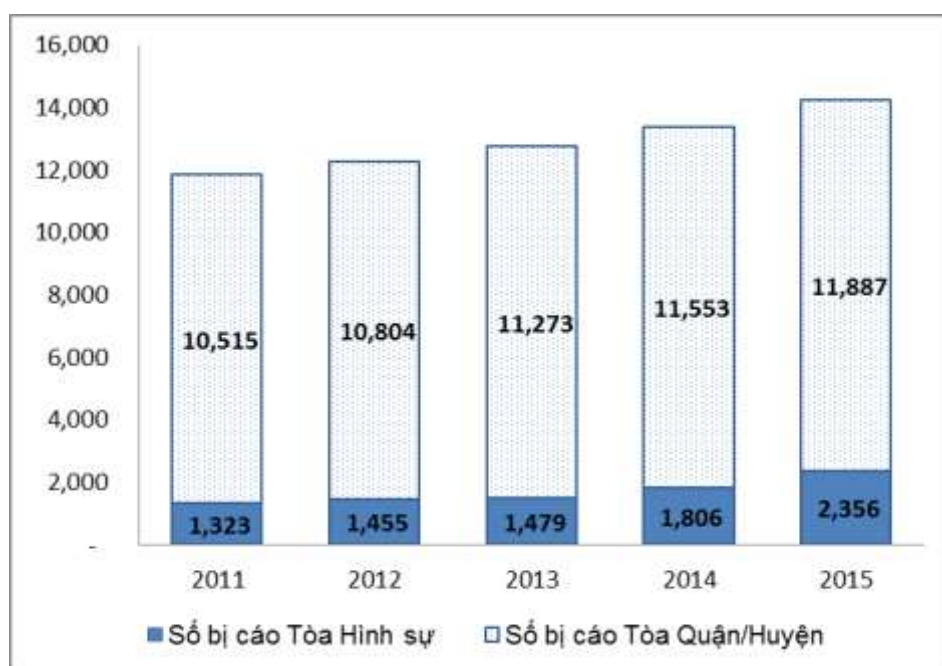
Biểu đồ 2.1. Biểu đồ số vụ án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.2. Biểu đồ tỷ lệ số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.3. Biểu đồ số bị cáo bị truy tố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])

Từ các biểu đồ trên cho thấy tổng số vụ án hình sự mà Tòa Hình sự TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý qua các năm đang có chiều hướng tăng, đặc biệt là tăng mạnh vào năm 2015. Theo đó, trong năm 2015 tổng số vụ án hình sự phải giải quyết lên đến 8.733 vụ.

Tổng số vụ án hình sự mà TAND các quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý lớn hơn rất nhiều so với số vụ án mà Tòa Hình sự TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý.

Cùng với chiều hướng tăng của số vụ án, số lượng bị cáo mà các Tòa án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý cũng tăng dần qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015.

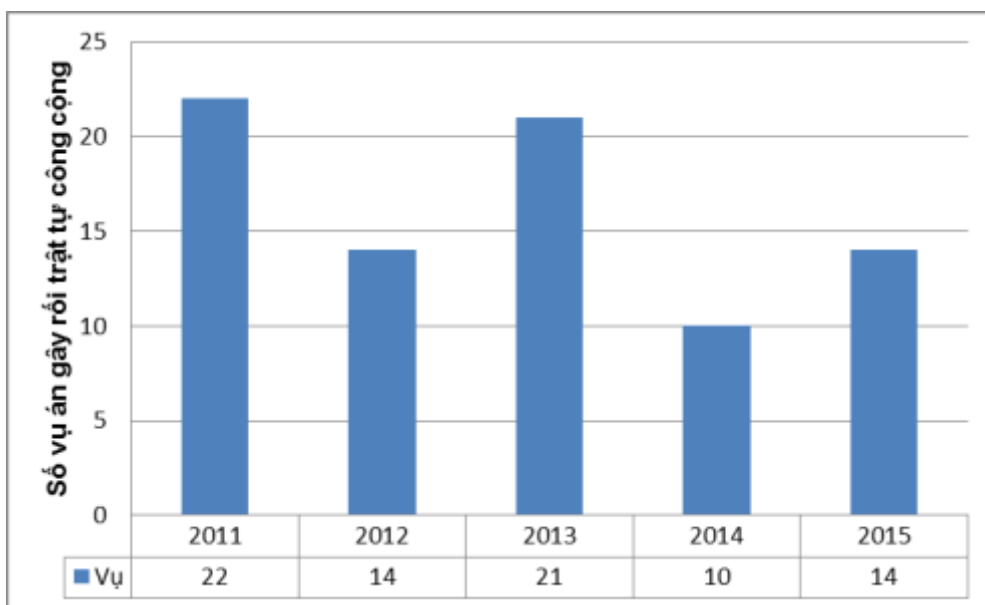
Riêng tội gây rối trật tự công cộng đã thụ lý là 75 vụ, chiếm khoảng 0.21% tổng số vụ án hình sự đã thụ lý trong 5 năm (2011 - 2015). Tổng số bị cáo bị truy tố về tội gây rối trật tự công cộng là 168 bị cáo, chiếm khoảng 0.28% tổng số bị cáo bị truy tố hình sự. Cụ thể như bảng sau:

		Số vụ án thụ lý					
		Cũ tồn		Mới thụ lý		Tổng	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	Điều 245	2	15	20	37	22	52
	Án hình sự	725	1.205	6.547	10.633	7.272	11.838
2012	Điều 245	3	5	11	22	14	27
	Án hình sự	668	1.110	6.915	11.149	7.583	12.259
2013	Điều 245	1	1	20	31	21	32
	Án hình sự	747	1.236	6.909	11.516	7.656	12.752
2014	Điều 245	2	4	8	35	10	39
	Án hình sự	766	1.382	7.196	11.977	7.962	13.359
2015	Điều 245	-	-	14	28	14	28
	Án hình sự	763	1.297	7.970	12.946	8.733	14.243
Tổng	Điều 245	2	15	73	153	75	168
	Án hình sự	725	1.205	35.537	58.221	36.262	59.426

Bảng 2.2. Số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])

Số vụ án gây rối trật tự công cộng mà các Tòa án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý giải quyết trong 5 năm vừa qua có thể được mô phỏng thông qua biểu đồ dưới đây:



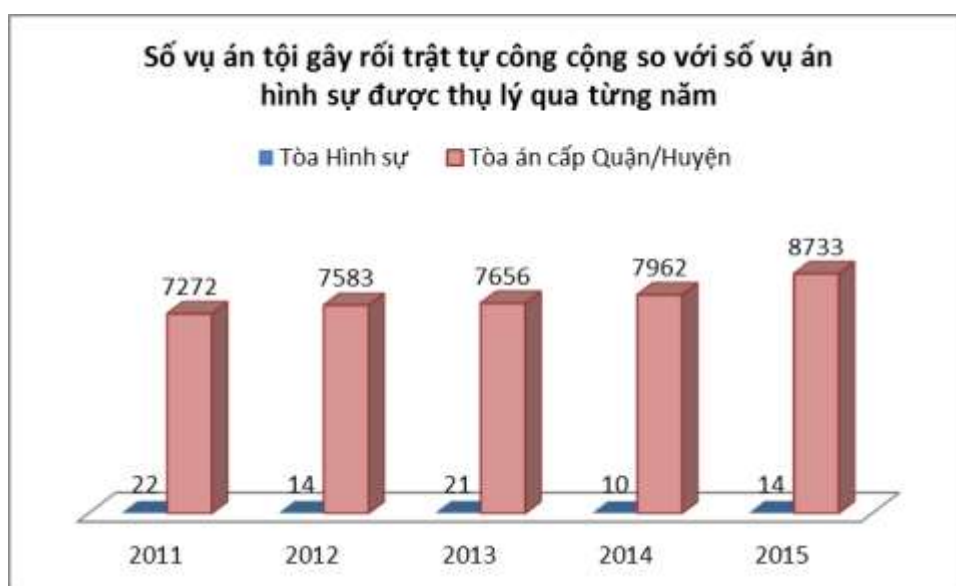
Biểu đồ 2.4. Biểu đồ số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng mà các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.5. Tổng số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với tổng số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015)

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.6. Biểu đồ so sánh số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) so với số vụ án hình sự được thụ lý trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (từ năm 2011 đến năm 2015)

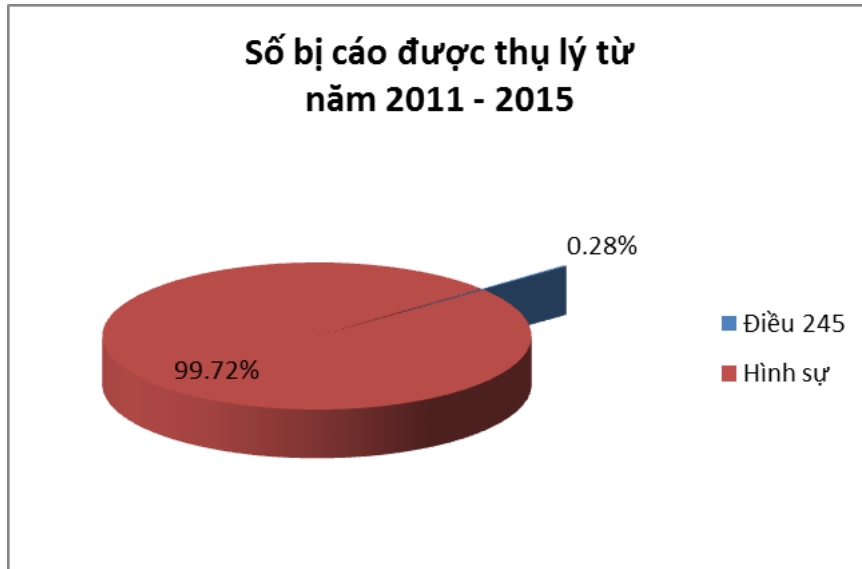
(Nguồn: [31])

Từ bảng số liệu và các biểu đồ cho thấy, tình hình thụ lý giải quyết các vụ án về tội gây rối trật tự công cộng trong 5 năm (2011 - 2015) không quá nhiều so với tổng số vụ án hình sự mà các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh phải thụ lý giải quyết hàng năm. Tính trung bình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng mỗi năm không quá 15 vụ; trong khi đó trung bình mỗi năm, có khoảng 7.252 vụ được thụ lý giải quyết. Số lượng các vụ án hình sự tăng đều qua các năm, nhưng số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng lại có sự biến động đa dạng, năm tăng năm giảm. Cao nhất là vào năm 2011 với 22 vụ án về tội gây rối trật tự công cộng và thấp nhất là vào năm 2014 chỉ với 10 vụ án.

Theo số liệu thống kê thể hiện trên bảng 2.2, tổng số bị cáo bị truy tố về tội gây rối trật tự công cộng trong 5 năm qua (từ năm 2011 đến năm 2015) là 168 bị cáo, rất nhỏ so với tổng số 59.426 bị cáo bị truy tố trong cùng khoảng thời gian này. Một điểm đáng chú ý vào năm 2014, tổng số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng được thụ lý là ít nhất so với các năm, nhưng số bị can lại nhiều. Tỷ lệ số bị can trên

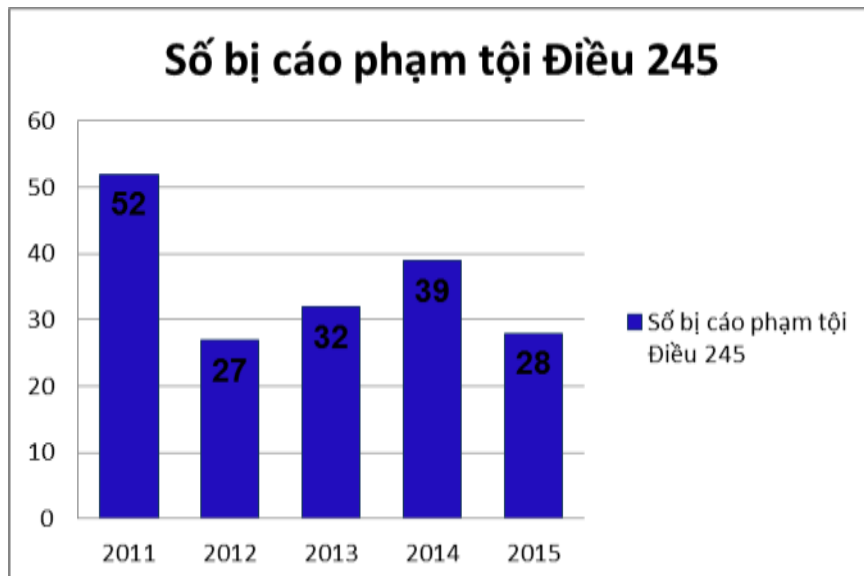
số vụ án trong hầu hết các năm đều không vượt quá 2,5 bị cáo/vụ, thì riêng năm 2014, tỷ lệ này nhảy vọt lên đến 3,9 bị cáo/vụ.

Các biểu đồ dưới đây thể hiện rõ hơn các vấn đề về số lượng bị cáo trong các vụ án về tội gây rối trật tự công cộng trong thời gian 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015).



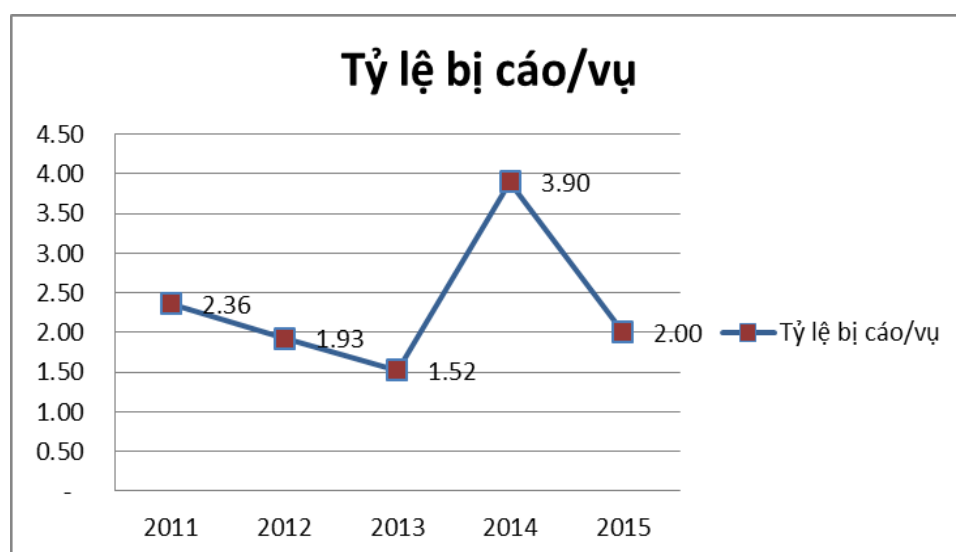
Biểu đồ 2.7. Tổng số bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng so với tổng số bị cáo tại Thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm (từ năm 2011 đến năm 2015)

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.8. Số bị cáo về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) tại Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (từ năm 2011 đến năm 2015)

(Nguồn: [31])



Biểu đồ 2.9. Tỷ lệ số bị cáo và số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng (Điều 245) tại Thành phố Hồ Chí Minh qua từng năm (từ năm 2011 đến năm 2015)

(Nguồn: [31])

Việc tỷ lệ số bị cáo và số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng tăng cao đột ngột vào năm 2014, có thể được lý giải rằng, việc Trung Quốc đặt giàn khoan Hải Dương 981 tại vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền biển đảo của nước ta, dẫn đến việc đã xảy ra nhiều cuộc biểu tình, tuần hành với số lượng đông đảo người dân tham gia. Lợi dụng việc tuần hành này, các thành phần quá khích đã có hành vi gây rối, đập phá và bị khởi tố về tội gây rối trật tự công cộng. Vì thế, số vụ án về gây rối trật tự công cộng trong năm tuy ít, nhưng số bị cáo trong những vụ án từ việc tuần hành, biểu tình này lại nhiều. Điển hình là thông qua hai vụ án “Gây rối trật tự công cộng” tại Quận Thủ Đức. Theo nội dung các vụ án này thì ngày 13/5/2014, đã có khoảng 1500 công nhân ở Bình Dương đã tham gia vào các cuộc tuần hành, phản đối việc đặt hạ giàn khoan Hải Dương 981 của Trung Quốc. Sau khi gây rối ở Bình Dương xong, số công nhân này đã kéo sang Khu chế xuất Linh Trung II ở quận Thủ Đức – Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục gây rối.

Lợi dụng việc tuần hành này, rất nhiều thanh niên đã tham gia hò hét, có các biểu hiện quá khích, đốt xe...xông vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Trung Quốc ở Thủ Đức để đập phá.

Trước tình hình lúc đó, lực lượng chức năng Thành phố Hồ Chí Minh buộc phải dùng xe cứu hỏa xịt nước và bình hơi cay để giải tán đám đông.

Thế nhưng, nhóm người gây rối vẫn không chịu dừng lại. Nhiều thanh niên quá khích vẫn tiếp tục dùng gạch đá, bom xăng và xe máy đâm thẳng vào lực lượng công an đang đứng làm hàng rào bảo vệ doanh nghiệp khiến khoảng 20 cán bộ chiến sỹ thuộc trung đoàn Cảnh sát cơ động Thành phố Hồ Chí Minh và Công an quận Thủ Đức bị thương với mức thương tật từ 1 đến 17%/người.

Công an Thành phố Hồ Chí Minh nhanh chóng phối hợp với Công an quận Thủ Đức đã bắt giữ tổng cộng 56 người. Kết quả điều tra của cơ quan chức năng xác định, vụ đập phá này đã gây thiệt hại cho các doanh nghiệp ở Thủ Đức là hàng chục triệu đồng tiền tài sản cùng hàng trăm triệu đồng tiền thiết bị, dụng cụ của cơ quan chức năng.

Ngày 22/5/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thủ Đức đã khởi tố hai vụ án cùng 23 bị can và ra quyết định tạm giam 23 bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng” [46].

Đến cuối năm 2015, tình hình giải quyết án hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện ở bảng bên dưới:

	Phân tích số vụ giải quyết			
	Trả hồ sơ VKS		Xét xử	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
Điều 245	15	32	60	136
Án hình sự	5.193	10.762	29.998	46.903

Bảng 2.3. Tình hình giải quyết án hình sự trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])

Dựa theo số liệu thống kê từ bảng 2.3, đến cuối năm 2015, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, có 29.998 vụ án hình sự được đưa ra xét xử, 5.193 vụ án được trả hồ sơ về cho Viện Kiểm Sát, và còn tồn lại 970 vụ. Trong số đó, toàn bộ các vụ án thuộc tội gây rối trật tự công cộng đều đã được giải quyết. Cụ thể là, trong tổng số

75 vụ án được thụ lý, có 15 vụ được trả về cho Viện Kiểm sát, 60 vụ còn lại đều được đưa ra xét xử, và không có vụ án nào bị tồn đọng.

Như vậy, trong năm 5 qua, số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng được xét xử chỉ chiếm 0.2% tổng số vụ án hình sự mà các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử. Trong đó số bị cáo bị xét xử về tội gây rối trật tự công cộng chỉ chiếm 0.29% tổng số bị cáo đã bị xét xử mà thôi. Tỷ lệ này cho thấy số vụ án về tội gây rối trật tự công cộng được truy tố, xét xử khá ít so với số vụ án hình sự. Tuy nhiên, cùng với sự thay đổi lớn của những quy định mới trong Hiến pháp 2013, BLHS 2015, tỷ lệ này sẽ có xu hướng tăng lên cùng với sự tăng lên của các hoạt động mượn danh nghĩa về nhân quyền hiện nay.

Bảng số liệu bên dưới thể hiện chi tiết các bản án đã xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trong năm năm qua:

		Phân tích bản án đã xét xử (số bị cáo)			
		Cải tạo không giam giữ	Án treo	Tù từ 3 năm trở xuống	Tù từ trên 3 năm đến 7 năm
2011	Tòa Hình sự		3	7	1
	Tòa Quận/Huyện		3	16	
	Tổng năm		6	23	1
2012	Tòa Hình sự				1
	Tòa Quận/Huyện		7	8	2
	Tổng năm		7	8	3
2013	Tòa Hình sự			7	
	Tòa Quận/Huyện		5	14	
	Tổng năm		5	21	
2014	Tòa Hình sự		1	2	
	Tòa Quận/Huyện		4	29	
	Tổng năm		5	31	
2015	Tòa Hình sự		3	4	

	Tòa Quận/Huyện		4	13	1
	Tổng năm		7	17	1
Tổng	Tòa Hình sự		7	20	2
	Tòa Quận/Huyện		23	80	3
	Tổng		30	100	5

Bảng 2.4. Phân tích kết quả xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])

Trong 5 năm (2011 - 2015), trong số 105 bị cáo bị tuyên phạm tội gây rối trật tự công cộng, có 100 bị cáo có mức án tù từ 3 năm trở xuống, trong đó có 30 bị cáo được hưởng án treo; có 5 bị cáo nhận mức hình phạt tù từ trên 3 năm đến dưới 7 năm. Bảng bên dưới thể hiện rõ hơn về đặc điểm nhân thân của các bị cáo.

		Đặc điểm nhân thân (Số bị cáo)									
		Cán bộ công chức	Đảng viên	Tái phạm nguy hiểm	Nghiện ma túy	Dân tộc thiểu số	Nữ	Từ đủ 14 ~ 16 tuổi	Từ đủ 16 ~ 18 tuổi	Từ đủ 18 ~ 30 tuổi	Người nước ngoài
2011	Tòa Hình sự			2					6		
	Tòa Quận/Huyện										
	Tổng năm			2					6		
2012	Tòa Hình sự			1						1	
	Tòa Quận/Huyện									1	
	Tổng năm			1						2	
2013	Tòa Hình sự								6		
	Tòa Quận/Huyện								1	1	
	Tổng năm								7	1	
2014	Tòa Hình sự									2	
	Tòa Quận/Huyện								3	19	
	Tổng năm								3	21	

2015	Tòa Hình sự									4	
	Tòa Quận/Huyện			1							
	Tổng năm			1						4	
Tổng	Tòa Hình sự			3						12	7
	Tòa Quận/Huyện			1						4	21
	Tổng			4						16	28

Bảng 2.5. Phân tích đặc điểm nhân thân các bị cáo bị xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm từ năm 2011 đến năm 2015

(Nguồn: [31])

Theo số liệu thống kê từ bảng 2.5, đặc điểm nhân thân của các bị cáo bị các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh xét xử về tội gây rối trật tự công cộng cho thấy: không có bị cáo nào là cán bộ, công chức; đảng viên; không có trường hợp bị cáo giới tính là nữ; không có trường hợp nào bị cáo là thành phần nghiện ma túy gây rối trật tự công cộng. Tuy nhiên, đáng lưu ý là có 4 trường hợp bị cáo có đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Ngoài ra, bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có 16 trường hợp; từ đủ 18 tuổi đến 30 tuổi là 28 trường hợp; không có bị cáo là người nước ngoài.

So sánh tương quan giữa số vụ án, số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong 5 năm (2011 - 2015) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện dưới bảng sau:

	Năm	Số vụ phải giải quyết						Phân tích số vụ giải quyết					
		Cũ tồn		Mới thụ lý		Tổng		Trả hồ sơ VKS		Xét xử		Tồn	
		Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo
2011	Điều 245	2	15	20	37	22	52	7	17	12	30	3	5
	Chương XIX BLHS	128	303	798	1.858	926	2.161	117	350	714	1.559	88	244
2012	Điều 245	3	5	11	22	14	27	3	8	10	18	1	1
	Chương XIX BLHS	88	244	802	2.037	890	2.281	78	240	737	1.772	104	268
2013	Điều 245	1	1	20	31	21	32	2	2	17	26	2	4

	Chương XIX BLHS	104	268	821	2.354	925	2.622	99	363	708	1.869	118	390
2014	Điều 245	2	4	8	35	10	39	2	3	8	36	-	-
	Chương XIX BLHS	118	390	907	2.498	1.025	2.888	115	420	777	2.081	132	386
2015	Điều 245	-	-	14	28	14	28	1	2	13	26	-	-
	Chương XIX BLHS	132	386	723	2.049	8.733	14.243	111	359	663	1.694	81	381
Tổng	Điều 245	2	15	73	153	75	168	15	32	60	136	-	-
	Chương XIX BLHS	128	303	4.051	10.796	4.179	11.099	520	1.732	3.599	8.975	81	381

Bảng 2.6: Tổng số vụ án, số bị cáo bị đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng trong tương quan với các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng trong 5 năm (2011 - 2015)

(Nguồn: [31])

Dựa theo số liệu của bảng 2.6, từ năm 2011 đến năm 2015, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số vụ án và tổng số bị cáo được đưa ra xét xử về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là 3.599 vụ án và 8.975 bị cáo; tổng số vụ án và tổng số bị cáo đã đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng là 60 vụ án và 136 bị cáo, chiếm tỷ lệ 1.67% số vụ án và 1.51 % số bị cáo của tổng các tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng bị đưa ra xét xử. Năm có tổng số vụ án và tổng số bị cáo đưa ra xét xử về các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng cao nhất là năm 2014 với 777 vụ án, 2.081 bị cáo. Trong khi đó, năm có tổng số vụ án và bị cáo đưa ra xét xử về tội gây rối trật tự công cộng cao nhất là năm 2013 với 17 vụ án, nhưng năm có số bị cáo được đưa ra xét xử về tội này cao nhất lại là năm 2014 với 36 bị cáo.

2.2.2. Vi phạm, sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh

Trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật để xử lý những vụ án có liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng, thực tiễn vẫn còn tồn tại một số vấn đề như sau:

Thứ nhất là, còn có trường hợp chưa rõ ràng giữa phạm tội gây rối trật tự công cộng hay đồng phạm của một tội khác (ví dụ như: tội giết người, cố ý gây thương tích, ...)

Ví dụ như tình huống của vụ án sau:

Ngày 01/10/2015, Lê Hiếu T (nhân viên một quán nhậu nằm trên đường ABC, quận X) được một người bạn đến rủ đi ăn. Tuy nhiên, anh Trần Trung Đ (là nhóm trưởng) cùng làm chung với chị T. không cho đi do vẫn trong giờ làm. Sau đó, giữa chị T và Đ xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên chị này xin nghỉ việc. T đem chuyện này kể cho bạn trai của mình là Nguyễn Văn P nghe. Muốn thể hiện bản lĩnh của mình trước bạn gái, P rủ hai người bạn khác là Nguyễn Đức A và Phạm Công T đi tìm gặp anh Đ để “xử”.

Tối cùng ngày, P chở T, còn A chở T đi trên hai xe gắn máy đến gọi Đ ra để “nói chuyện”. Tại đây, Đ bị T tát vào mặt nên đánh lại thì bị P và A cùng lao vào đánh hội đồng. Lúc này, A mở cốp xe lấy một con dao bấm đưa cho T đâm một nhát vào lưng anh Đ khiến anh này gục tại chỗ. Dù được người dân đưa cấp cứu kịp thời, nhưng do vết thương quá nặng nên nạn nhân tử vong vào tối ngày hôm sau. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận X cho biết đã tạm giữ cả ba đối tượng và ký quyết định khởi tố bị can T về hành vi “Giết người”. Hai người còn lại là A và P bị khởi tố về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Trong vụ án này, có nhiều ý kiến cho rằng T bị khởi tố về tội giết người là hợp lý, nhưng A và P đã thỏa mãn dấu hiệu để bị khởi tố là đồng phạm của tội giết người, chứ không phải tội gây rối trật tự công cộng. Cá nhân người viết cho rằng, hành vi của A và P là đồng phạm của tội giết người, bởi vì, cả ba đều đến tìm gặp anh Đ với mục đích để “xử”. A lại là người lấy dao ra để đưa cho T. Vì thế, đã đủ dấu hiệu để cấu thành đồng phạm của tội giết người của hai bị can A và P.

Hai là, còn có sự nhầm lẫn giữa tội gây rối trật tự công cộng với tội một tội khác (ví dụ như: đưa xe trái phép, chống người thi hành công vụ, ...)

Ví dụ như vụ án sau: Vào đêm rạng sáng ngày 06/03/2011, tại tuyến đường D, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, hàng trăm thanh niên tụ tập hai bên đường rú ga

inh ỏi, cô vũ cho nhóm 4 “quái xế” đang biểu diễn nhấc đầu xe, phóng đi với tốc độ kinh hoàng. Khi cảnh sát giao thông ập đến thì bắt gọn nhóm 4 đối tượng trên cùng vài chục đối tượng khác đang reo hò cổ vũ. Theo đó, 4 “quái xế” bị khởi tố về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”. Đối với vụ án này, nhiều luật sư cho rằng hành vi của bốn đối tượng này đã đủ dấu hiệu để cấu thành tội “Đua xe trái phép”, nên phải khởi tố về tội “đua xe trái phép” thì chính xác hơn, nhưng không hiểu sao cơ quan điều tra lại khởi tố về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Trong khi đó, ở một vụ án khác, cũng liên quan đến hành vi đua xe trái phép, sự việc xảy ra như sau:

Rạng sáng ngày 23/02/2013, Trần Phúc L chở bạn Nguyễn Minh T đi chơi ở quán bar về, đến đường Võ Văn K thuộc Quận Y thì thấy một nhóm đua xe đang la hét cổ vũ. Sẵn hơi men trong người, L tăng tốc phóng theo cổ vũ cho đoàn đua xe một đoạn, T ngồi phía sau cũng ra sức hò hét cổ vũ cho đoàn đua xe. Tuy nhiên, vừa mới chạy được 1 chút thì L đã bị lực lượng cảnh sát giao thông vây bắt cùng với nhóm đua xe. Sau đó, L và T bị khởi tố cùng với nhóm “quái xế” đua xe kia về tội đua xe trái phép. Tuy nhiên, luật sư bảo vệ cho L và T cho rằng L không có chủ ý đua xe, hành vi chạy xe theo là bộc phát khi thấy đoàn đua xe đi ngang chứ không phải theo đoàn đua ngay từ đầu, và mục đích chạy theo chỉ để cổ vũ, còn T ngồi phía sau, không có điều khiển xe, và hành vi cũng chỉ là hò hét, cổ vũ mà thôi. Vì lẽ đó cho rằng hành vi của L và T là gây rối trật tự công cộng chứ không phải đua xe trái phép. Và vì cũng chưa gây ra hậu quả gì nghiêm trọng nên cũng chưa đến mức khởi tố hình sự. Đồng ý với lập luận của luật sư, Hội đồng xét xử đã tuyên phạt hành chính hành vi của L.

Theo ý kiến của tác giả, đối với vụ án thứ nhất, 4 “quái xế” không có gây thiệt hại gì đến sức khỏe, tài sản của người khác, nếu họ đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì mới bị khởi tố về tội đua xe trái phép. Còn nếu 4 “quái xế” này mới bị bắt lần đầu vì hành vi này thì họ bị khởi tố về tội “gây rối trật tự công cộng” thì hợp lý hơn.

Tương tự như thế đối với vụ án thứ hai, hành vi của L cũng chưa đủ dấu hiệu pháp lý để bị khởi tố hình sự, nhưng ngoài vi phạm hành chính về tội đua xe trái phép, L còn vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ.

Ba là, một số vụ án có số lượng đông người tham gia, có rất nhiều các ý kiến khác nhau khi định tội danh

Ví dụ như đối với những vụ án lợi dụng biểu tình, tuần hành để gây rối tại các Khu chế xuất đã nêu trên; sau khi sự việc xảy ra, có rất nhiều ý kiến xung quanh việc định tội danh của các bị cáo trong vụ án.

Theo quan điểm của một Luật sư có văn phòng tại Quận T cho rằng, dựa vào mức độ nghiêm trọng của hành vi cũng như hậu quả của vụ án, xác định đã đủ dấu hiệu để kết luận các bị cáo trong vụ án này phạm hai tội: tội gây rối trật tự công cộng và tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản. Bởi vì, những người tham gia tuần hành đã có hành vi đập phá máy móc, thiết bị trong nhà xưởng, cũng như làm hư hại nhiều công cụ hỗ trợ của cơ quan chức năng. Giá trị của thiệt hại lên đến con số hàng trăm triệu đồng.

Một luật gia khác có ý kiến rằng vụ án trên còn có cả dấu hiệu của tội cố ý gây thương tích, bởi vì những bị cáo trong cuộc tuần hành, trong cuộc xô xát, đã sử dụng hung khí (gạch, đá, bom xăng...) làm cho nhiều người bị thương, có những người bị thương tích đến 16%, vì lẽ đó, đã đủ dấu hiệu để cấu thành tội cố ý gây thương tích.

Ý kiến thứ ba từ một Thẩm phán TAND Quận X, cho rằng, các vụ án như thế này luôn có dấu hiệu của tội chống người thi hành công vụ. Lý do mà Thẩm phán này đưa ra là vì trong vụ này, những người quá khích đã tấn công cả lực lượng cảnh sát cơ động, ngoài việc dùng hung khí tấn công, họ thậm chí còn dùng xe máy đâm thẳng vào lực lượng công an đang đứng làm hàng rào bảo vệ doanh nghiệp. Lực lượng cảnh sát cơ động, công an khi này, rõ ràng là đang thực hiện nhiệm vụ ổn định trật tự, an toàn công cộng, ngăn chặn ẩu đả, nhưng những người này không những không chấp hành mệnh lệnh, mà còn tấn công lực lượng cảnh sát, công an,

dẫn đến có người bị thương, thiết bị hỗ trợ bị hư hỏng. Và như thế đã đủ dấu hiệu của tội chống người thi hành công vụ.

Và quan điểm cuối cùng chính là quan điểm của Hội đồng xét xử của các vụ án trên, theo đó, Hội đồng xét xử cho rằng hành vi của các bị cáo chỉ cấu thành tội gây rối trật tự công cộng. Các hậu quả, hành vi còn lại, chỉ mang yếu tố của tình tiết định khung tăng nặng của tội gây rối trật tự công cộng mà thôi.

Với nhiều góc nhìn nhận sự việc như thế, trong thực tiễn xét xử, có không ít trường hợp cùng một hành vi phạm tội như nhau, nhưng kết quả xét xử của các tòa tại các địa phương là khác nhau, hoặc quan điểm của tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm là khác nhau.

Trong vụ việc này, tác giả cho rằng, hành vi của các bị cáo đã đủ dấu hiệu để cấu thành tội gây rối trật tự công cộng và cả tội chống người thi hành công vụ. Đối với tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản và tội cố ý gây thương tích thì hành vi của các bị cáo có dấu hiệu pháp lý chưa đủ rõ ràng để xác định cấu thành tội phạm độc lập nên có thể xem hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản và gây thương tích là yếu tố định khung tăng nặng của tội gây rối trật tự công cộng và tội chống người thi hành công vụ.

Bốn là, có trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau khi xử lý các vụ việc gây rối trật tự công cộng.

Có thể xem xét vụ việc sau đây như là một ví dụ điển hình: Vào khoảng 23h ngày 22/09/2013, tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xảy ra một vụ ẩu đả, dùng mã tấu đánh nhau giữa hai nhóm người. Hậu quả là đã có 3 người bị thương gồm ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn S (con ông Đ) và Lê Hoàng T được đưa vào cấp cứu tại bệnh viện G. Dù vậy, theo xác nhận của bệnh viện, do bị quá nhiều vết thương ông Đ đã chết trước khi đến phòng cấp cứu của bệnh viện G. Sau khi nhận được kết quả của bệnh viện về tình trạng của ông Đ, một số người thân của ông Đ (khoảng 20 người) đã xông vào phòng cấp cứu la lối, đe dọa, yêu cầu các bác sĩ chỉ nơi T đang nằm để trả thù.

Công an quận B đề nghị không khởi tố vụ án hình sự đối với các đối tượng còn đồ có hành vi đe dọa hành hung các bác sĩ tại Khoa Cấp cứu bệnh viện G, bởi vì, sau khi điều tra, xác minh từ người liên quan, người làm chứng và xem xét hình ảnh lưu lại từ các camera tại bệnh viện, Công an quận B cho rằng không đủ yếu tố để khởi tố vụ án hình sự. Bởi vì nhóm người này chỉ tập trung la lối, đe dọa bằng lời nói, yêu cầu các bác sĩ chỉ nơi T đang nằm. Không thấy có đối tượng dùng hung khí như dao, mã tấu đe dọa các bác sĩ cũng như tác động trực tiếp, cản trở các bác sĩ khám chữa bệnh. Chỉ có một đối tượng cầm theo đòn gánh bằng tre ở bên ngoài phòng cấp cứu nhưng đã bị khống chế, chưa vào tới bên trong để đe dọa các bác sĩ. Vì vậy chỉ cần xử phạt hành chính là thỏa đáng.

Dẫu vậy, theo Luật sư C – Văn phòng luật sư NCC, hành vi của các đối tượng này vẫn đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm của tội danh “Gây rối trật tự công cộng” (quy định tại điều 245 BLHS). Cụ thể là việc la lối hung hăng, gây náo loạn của khoảng 20 người tại bệnh viện đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội và tâm lý của những người làm công tác cứu người tại các tổ chức y tế, làm gián đoạn hoạt động của bệnh viện một thời gian nhất định, tức là đã gây ra “hậu quả nghiêm trọng” và “gây đình trệ hoạt động công cộng” theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 245 BLHS); cũng như theo hướng dẫn về “hậu quả nghiêm trọng” ở Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 tại điểm 5.1.b nêu rõ hành vi đó là “cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân”. Vì thế, hành vi của nhóm người trên đã có đủ dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng”, thuộc khoản 2, Điều 245 BLHS.

Như vậy, nên hiểu và áp dụng pháp luật như thế nào trong trường hợp này bởi vì dù Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 có hướng dẫn áp dụng một số quy định của Điều 245 BLHS, nhưng lại chưa đủ rõ ràng. Vì chưa quy định rõ thế nào là “gây đình trệ hoạt động công cộng”, thế nào là “cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân” .

Trong vụ án này, tác giả cho rằng đã có thể khởi tố hành vi của các đối tượng trên về tội gây rối trật tự công cộng, vì hành vi của họ đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Năm là, theo quy định của BLHS 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), cũng như trong quy định của BLHS 2015, khoảng cách khung hình phạt là quá rộng, dẫn đến một số trường hợp định tội danh trong trường hợp phạm nhiều tội có liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng, hoặc ngay cả chỉ phạm tội gây rối trật tự công cộng còn chưa chính xác, hoặc chưa có sự đồng nhất giữa các địa phương. Ngoài ra, khi xét xử bị cáo có hành vi có vẻ như thỏa mãn dấu hiệu của nhiều tội phạm, trong đó có tội gây rối trật tự công cộng, thì việc áp dụng tình tiết định khung tăng nặng trong nhiều trường hợp là chưa phù hợp.

Chẳng hạn như hành vi gây rối trật tự công cộng mà làm hư hỏng một số tài sản thì có TAND ở địa phương này xử tội gây rối trật tự công cộng với định khung tăng nặng “có hành vi phá phách”, nhưng TAND ở địa phương khác lại xử thành hai tội độc lập, đó là tội gây rối trật tự công cộng và tội hủy hoại tài sản.

2.2.3 Nguyên nhân của những vi phạm, sai sót trong thực tiễn áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Nguyên nhân thứ nhất là từ sự thiếu rõ ràng trong quy định của luật:

Mặc dù tội gây rối trật tự công cộng đã được Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS", nhưng vẫn không thể nói là rõ ràng. Chẳng hạn như “cản trở ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ”, nhưng thế nào là cản trở, ách tắc giao thông thì lại không quy định rõ. Hay như thế nào là “gây đình trệ hoạt động công cộng”, “Cản trở sự hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân”. Ngay cả trong quy định về tội gây rối trật tự công cộng trong BLHS 2015 quy định “người nào gây rối trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội ...”, vậy thì nên hiểu gây ảnh hưởng xấu đến mức độ nào thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự .

Ví dụ như theo quy định của BLHS thì hành vi gây rối trật tự công cộng đáp ứng các điều kiện do luật định, người nào còn dùng vũ lực đối với người thi hành công vụ nhưng không nhằm cản trở họ thực thi công vụ mà chỉ do bản tính côn đồ

hoặc ý thức coi thường pháp luật và hành vi đó cũng chưa gây thương tích hoặc gây thương tích không đáng kể cho nạn nhân thì hành vi đó chỉ cấu thành *tội gây rối trật tự công cộng* với tình tiết định khung tăng nặng "*Hành hung người can thiệp bảo vệ trật tự công cộng*" (điểm đ khoản 2 Điều 245 BLHS). Ngược lại, người nào dùng vũ lực để cản trở người thi hành công vụ nhưng hành vi đó chưa gây thương tích (hoặc cũng có trường hợp gây thương tích rất nhỏ, ví dụ: 1-2 % - không đáng kể) cho nạn nhân thì hành vi đó cấu thành tội chống người thi hành công vụ (Điều 257 BLHS). Hiện nay, do các cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành văn bản hướng dẫn "*thương tích như thế nào là đáng kể*" nên khi xác định tội danh còn chưa thống nhất giữa các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. Từ thực tiễn xét xử trên phạm vi cả nước nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng, khi xét xử hành vi gây rối trật tự công cộng, còn có sự nhầm lẫn giữa các hành vi nêu trên.

Mặt khác, quy định pháp luật vẫn còn có tình trạng chồng chéo, dẫn đến việc áp dụng mỗi nơi mỗi khác. Hệ thống quy phạm pháp luật có số lượng lớn, được ban hành trong nhiều giai đoạn khác nhau và liên tục bị sửa đổi; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật còn chậm, còn thiếu không đáp ứng được nhu cầu áp dụng pháp luật trong thực tiễn dẫn đến các Tòa án có những nhận thức và áp dụng khác nhau.

- *Nguyên nhân thứ hai là do sự thiếu hụt về nhân sự nên có những Thẩm phán làm quá nhiều vụ việc, do đó thiếu thời gian đầu tư nghiên cứu, thiếu sự cập nhật kiến thức pháp luật.*

Thực tiễn hiện nay là biên chế phân bổ thẩm phán chưa đủ để đáp ứng với số lượng vụ việc phải thụ lý [49]. Số lượng án mỗi Thẩm phán phải thụ lý, giải quyết hàng tháng là rất lớn gây áp lực rất lớn cho Thẩm phán về giải quyết án và hoàn thành chỉ tiêu thi đua. Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu công việc, nhiều Thẩm phán được cử đi học các khóa ngắn hạn nhằm nâng cao nghiệp vụ. Tuy nhiên, sự việc này lại dẫn đến thực trạng là các Thẩm phán có càng ít thời gian để đầu tư nghiên cứu sâu sát cho từng vụ án; kiến thức pháp luật không được cập nhật kịp thời cũng là một nguyên nhân khiến cho việc xử lý các vụ án liên quan đến tội phạm hình sự nói chung và tội gây rối trật tự công cộng nói riêng bị sai sót. Thêm vào đó, một số

Thẩm phán còn chủ quan, làm việc đơn thuần theo kinh nghiệm, một số khác chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, thiếu thận trọng, thậm chí còn cầu thả, đó cũng là nguyên nhân dẫn đến sai sót trong quá trình xét xử.

- Nguyên nhân thứ ba là còn một số Hội thẩm nhân dân có hạn chế về kiến thức pháp lý.

Trong hệ thống pháp luật tố tụng hiện nay ở nước ta, chế định Hội thẩm nhân dân là một trong những chế định bắt buộc, có tính quyết định đến các bản án sơ thẩm trong hoạt động tư pháp. Bởi vì, hầu hết bản án sơ thẩm đều yêu cầu phải có sự tham gia của số lượng tối thiểu 2/3 thành viên của Hội đồng xét xử là các Hội thẩm nhân dân nhằm đảm bảo cho việc xét xử khách quan đúng pháp luật. Cùng với số lượng đó là tính quyết định của Hội thẩm nhân dân trong Hội đồng xét xử đối với bản án sơ thẩm. Pháp luật không chỉ quy định khi xét xử Hội đồng xét xử phải có Hội thẩm nhân dân tham gia mà còn quy định khi xét xử Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán, tức là Hội thẩm nhân dân cùng Thẩm phán quyết định giải quyết mọi vấn đề của vụ án không kể về nội dung hay thủ tục tố tụng. Như thế, rõ ràng, Hội thẩm nhân dân có vị trí pháp lý khá quan trọng trong xét xử các vụ án hình sự.

Dù vậy, trong khi một Thẩm phán phải có trình độ thấp nhất là Cử nhân Luật, được bồi dưỡng tại Trường Đào tạo các chức danh tư pháp, có thời gian làm công tác pháp luật từ 4 năm trở lên (đối với cấp huyện), từ 6 năm trở lên (đối với cấp tỉnh); thì Hội thẩm là những người có uy tín, được nhân dân tín nhiệm bầu ra trong các tầng lớp nhân dân; rất nhiều Hội thẩm nhân dân không qua một khóa đào tạo dài hạn nào tại các trường luật nên kiến thức pháp lý của một số Hội thẩm còn khá hạn chế, dẫn đến tình trạng khi tham gia vào công tác xét xử trên thực tế thì gặp phải rất nhiều khó khăn [54].

Vì thế, phải thận trọng nhìn nhận, khi trình độ, điều kiện giữa Hội thẩm nhân dân và Thẩm phán có một khoảng cách quá xa thì việc thực hiện nguyên tắc “ngang quyền” và “quyết định theo đa số” của Hội thẩm nhân dân khi tham gia xét xử cũng chỉ mang tính tượng trưng, hình thức [44], vì có không ít vụ án, khi xét xử thì Hội thẩm nhân dân không hỏi được bị cáo câu nào cả.

Mặc dù Hội thẩm được tham gia nhiều chương trình tập huấn kiến thức nghiệp vụ pháp lý nhưng do hạn chế về kiến thức nền của pháp luật, phương pháp giảng dạy, thời gian tập huấn ngắn nên các Hội thẩm nhân dân chưa trang bị đầy đủ về kiến thức và kỹ năng cần thiết khi xét xử.

Mặt khác, một số Hội thẩm không đầu tư nhiều thời gian để nghiên cứu kỹ hồ sơ, không tìm hiểu hết mọi tình tiết vụ việc, nên khi tham gia các phiên tòa thì Hội thẩm ít thẩm vấn các đương sự mà gần như phó mặc cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, điều hành và thẩm vấn toàn bộ vụ án. Từ đó, chưa tập trung cao trí tuệ của Hội đồng xét xử để áp dụng pháp luật giải quyết vụ án.

- Ngoài ra, còn có một số nguyên nhân chung khách quan làm ảnh hưởng đến việc áp dụng quy định pháp luật để xử lý tội phạm như:

+ Công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp còn chưa tốt làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết án.

Công tác phối hợp giữa cơ quan điều tra, truy tố, và xét xử, còn có những bất cập, chưa thống nhất được khi nhận định hậu quả của hành vi gây rối; có trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cho rằng hậu quả không nghiêm trọng như nhận định trong quyết định truy tố của Viện kiểm sát; ngược lại, cũng có những trường hợp Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì cho rằng các bị can phạm tội ở khung tăng nặng hơn khung mà Viện kiểm sát truy tố. Vì không thống nhất với nhận định của Tòa án, nên trong quá trình điều tra bổ sung, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra không tiến hành điều tra đầy đủ, dẫn đến tình trạng điều tra lại một cách qua loa. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến chất lượng giải quyết án thấp và tình trạng vụ án bị dây dưa, kéo dài, vi phạm thời hạn tố tụng.

Một ví dụ điển hình là vào cuối năm 2015, TAND Thành phố Hồ Chí Minh vừa đưa ra xét xử hai vụ án nghiêm trọng dẫn đến chết người nhưng do sau khi gây án, các bị cáo bỏ trốn, thời gian xảy ra vụ án đã lâu, người làm chứng thay đổi lời khai hoặc đã chết nên không đủ chứng cứ để buộc tội bị cáo nên đành phải chuyển thành một tội danh khác nhẹ hơn.

Nội dung tóm tắt của một trong hai vụ án đó như sau :

Đầu năm 2006, Lê Văn M đi cùng hai người bạn tên A và C đến quận BT thì gặp nhóm Lâm Đức H đang đánh bài nên vào chơi. Trong quá trình chơi, C và H xảy ra mâu thuẫn rồi đánh nhau. Cùng lúc này, lực lượng Công an cùng dân phòng đi tuần tra ngang qua nên cả nhóm giải tán, đi về nhà M chơi. Tại đây, C nhờ M đi gặp H lấy lại tiền và 1 chiếc điện thoại bị H lấy tại sòng bài. Bên bạn, M đi cùng S, A, C mang theo mã tấu đi tìm H. Nghe người quen báo tin, H chủ động cầm theo mã tấu đến nơi nhóm M đang ngồi. Khi đến nơi, H xông vào nhưng chưa kịp chém ai thì bị nhóm của M đuổi đánh. Trong lúc bỏ chạy, H té ngã nên bị M cùng đồng bọn cầm dao, mã tấu chém tử vong. Sau khi gây án, M cùng đồng bọn bỏ trốn. Giữa năm 2006, M bị Công an bắt giữ.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, không thu thập đủ tài liệu nên cuối năm 2006, M bị đưa ra xét xử và chỉ tuyên phạt 9 tháng tù về tội "không tố giác tội phạm".

Sau khi bắt giữ được S, thì S thừa nhận cùng đồng bọn, trong đó có M đã gây ra cái chết cho H. Tuy nhiên, khi Tòa tuyên hủy bản án sơ thẩm, và khởi tố M lại về tội giết người thì M không có mặt tại địa phương. Mãi đến cuối năm 2014, M mới bị bắt lại theo lệnh truy nã.

Dù vậy, bản án hình sự sơ thẩm số .../HSST ngày 20/11/2015 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh kết luận dù bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố về tội "giết người", tuy nhiên nhận định rằng ngoài lời khai của S, thì không có thêm chứng cứ nào khác nên không đủ chứng cứ để kết tội bị cáo về tội danh trên, vì thế nên Hội đồng xét xử chỉ tuyên M mức án 2 năm tù về tội "gây rối trật tự công cộng".

Thêm vào đó, hoạt động xét xử các vụ án hình sự nói chung và vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng, ngoài việc chịu ảnh hưởng những hạn chế của quá trình điều tra vụ án, còn có những thiếu sót như trong việc nghiên cứu hồ sơ chưa kỹ, không hiểu đúng các quy định pháp luật về giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tố tụng chưa đúng, triệu tập những người tham gia tố tụng chưa đầy đủ, có vụ án đưa ra xét xử còn vi phạm về thời hạn tố tụng, việc lựa chọn quy phạm pháp luật đôi khi còn chưa chính xác, viện dẫn các điều luật còn chưa đầy đủ, do bản án đã được dự thảo trước nên không có nhiều thời gian chỉnh lý lại bản án tại phòng nghị

án, chưa phản ánh đầy đủ những diễn biến tại phiên tòa, nội dung bản án chưa ngắn gọn, xúc tích, nội dung phần quyết định đôi khi chưa rõ. Những vấn đề hạn chế nêu trên là nguyên nhân dẫn đến các vụ án đã đưa ra xét xử còn bị sửa, hủy, bị dây dưa kéo dài và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi các đương sự.

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong thời gian vừa qua tuy được quan tâm triển khai. nhưng công tác này cũng chưa được thường xuyên tổ chức và còn mang nặng tính hình thức.

+ Tinh thần, trách nhiệm và nhận thức của một số cơ quan, tổ chức bảo vệ pháp luật không cao, cho rằng trách nhiệm xét xử tội phạm không phải là việc của mình nên khi phối hợp với ngành Tòa án chỉ mang tính hình thức, làm qua loa, chiếu lệ, không nhiệt tình.

+ Việc tổng kết kinh nghiệm xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng đối với Tòa án các cấp chưa được quan tâm đúng mức.

Kết luận Chương 2

Chương 2 của luận văn đã phân tích các nội dung về quy định của tội gây rối trật tự công cộng trong BLHS hiện hành, dấu hiệu cấu thành cơ bản: yếu tố chủ thể, mặt chủ quan, khách thể, mặt khách quan của tội phạm này; đồng thời làm rõ quy định về các khung hình phạt tội gây rối trật tự công cộng. Sau khi phân tích các nội dung lý luận nói trên, Chương 2 của luận văn đi vào phân tích thực tiễn áp dụng các quy định của tội phạm này trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ kết quả áp dụng quy định vào thực tiễn xét xử, luận văn đối chiếu các vấn đề lý luận với thực tiễn để tìm ra những vấn đề sai sót, vướng mắc, tìm hiểu nguyên nhân của các sai sót, vướng mắc trong áp dụng các quy phạm pháp luật vào xử lý tội gây rối trật tự công cộng.

Kết quả nghiên cứu của Chương 2 của luận văn không những có ý nghĩa tổng kết tình hình thực tiễn áp dụng quy định của tội gây rối trật tự công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2011 đến năm 2015; mà còn có ý nghĩa làm tiền đề cho việc đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của pháp luật để xử lý tội phạm này trong thực tiễn.

Chương 3

CÁC YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GÂY RỐI TRẬT TỰ CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng

Theo tinh thần của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị, từ nay đến năm 2020 được Đảng xác định là thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, cùng với nâng cao nhận thức và sự quan tâm đối với công tác tư pháp, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [9]. Cùng với xu hướng hội nhập, đặc biệt là các mối quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế, ngoại giao của nước ta đang được mở rộng và thu được nhiều kết quả tốt. Tuy nhiên, bên cạnh những chuyển biến tích cực, lĩnh vực xã hội còn nhiều tồn tại, các tệ nạn xã hội đang phát triển, tội phạm và tệ nạn xã hội có chiều hướng tăng...; nhiều loại tội phạm mới xuất hiện và diễn biến phức tạp, trong đó có tội phạm do người chưa thành niên thực hiện gây khó khăn cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng như toàn xã hội.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những đô thị lớn nhất và là trung tâm kinh tế văn hoá xã hội lớn nhất của cả nước. Điều đó cũng có nghĩa, về tình hình tội phạm, Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những địa bàn có tỷ lệ cao nhất nước. Lãnh đạo Công an Thành phố Hồ Chí Minh cho biết, tình hình an ninh trật tự gần đây có nhiều diễn biến phức tạp. Lượng người nhập cư vào thành phố nhiều, không chỉ từ các tỉnh khác, mà còn từ các nước khác. Theo một cán bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian gần đây số người gốc Phi xuất hiện ở Thành phố Hồ Chí Minh liên tục gia tăng. Mỗi tháng trung bình có trên dưới 1.000 người ra vào Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó số lượng không nhỏ nhập cảnh, lưu trú bất hợp pháp. Tại các khu chế xuất, khu công nghiệp đông công nhân nên cũng phát sinh những vấn đề phức tạp về an ninh trật tự. Thêm vào đó, ngày càng nhiều băng nhóm từ

khắp nơi đổ về Thành phố Hồ Chí Minh. Vì thế, gần đây, tại Thành phố Hồ Chí Minh liên tục xảy ra các vụ súng bắn người, dùng dao chém người giữa phố... khiến tình hình an ninh trật tự ngày càng bất ổn [46].

Với mục đích tìm ra những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng nói riêng và hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung, trước mắt, Nhà nước cần thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách như sau:

Việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế... đòi hỏi chúng ta phải có nhiều biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm mà một trong những biện pháp quan trọng là hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự.

Mặt khác, sau khi Hiến pháp năm 2013 được ban hành và có hiệu lực, cùng với sự thay đổi lớn của những quy định mới trong Hiến pháp 2013 liên quan đến vấn đề nhân quyền, tỷ lệ các vụ việc gây rối trật tự công cộng thông qua hình thức tuần hành, biểu tình đang có xu hướng tăng lên cùng với sự tăng lên của các hoạt động mượn danh nghĩa về nhân quyền hiện nay. Tuy nhiên, ranh giới giữa “gây rối trật tự công cộng” và biểu tình, đấu tranh nhân quyền thực sự là quá mong manh. Trung tướng Hoàng Kông Tư khẳng định: “Biểu tình vi phạm pháp luật là gây rối trật tự, ảnh hưởng đến đời sống an toàn xã hội” [55].

Như vậy, để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng, việc hoàn thiện hơn nữa quy định của pháp luật về tội danh này là thực sự cần thiết. Không chỉ hoàn thiện các điều luật liên quan đến các tội xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, mà các văn bản giải thích, hướng dẫn pháp luật kèm theo cần được cập nhật đầy đủ, cụ thể, chi tiết hơn để quá trình áp dụng pháp luật được chính xác, đúng người, đúng tội; tránh trường hợp mỗi địa phương hiểu một kiểu và áp dụng pháp luật không đồng nhất với nhau trong quá trình xét xử.

Việc nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng có ý nghĩa to lớn đối với việc bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm hoạt động bình thường và ổn định của xã hội, qua đó kiên quyết xử lý nghiêm minh, triệt để và đúng pháp luật tất cả các hành vi xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng ở

mức độ khác nhau và bảo đảm tính pháp chế XHCN. Nó cũng bảo đảm ranh giới rõ ràng giữa việc bao quát các hành vi gây rối trật tự công cộng dưới góc độ hành chính với hình sự, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức và của công dân mà không vi phạm các nguyên tắc về nhân quyền trong Hiến pháp.

Ngoài việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội gây rối trật tự công cộng, để nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, còn phải đảm bảo việc nhận thức đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật của các chủ thể áp dụng pháp luật.

Trước hết, phải kể đến sự nhận thức từ những cán bộ thuộc cơ quan tiến hành tố tụng. Một khi các cán bộ này nhận thức đúng đắn và đầy đủ các quy định của pháp luật về tội gây rối trật tự công cộng, thì việc áp dụng để tiến hành các hoạt động tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử đều sẽ diễn ra suôn sẻ hơn, có sự phối hợp nhịp nhàng, đồng nhất hơn giữa các cơ quan tư pháp.

Ngoài ra, đối với công dân, việc nhận thức đúng đắn và đầy đủ các quy định của pháp luật sẽ giúp cho công dân hiểu rõ được quyền của mình, tránh bị thành phần xấu lôi kéo, kích động tham gia vào các vụ việc mang tính chất gây rối trật tự công cộng. Việc công dân hiểu rõ được quy định của pháp luật, cũng như quyền của mình cũng góp phần đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố, xét xử được đảm bảo nguyên tắc công bằng của pháp luật.

Thêm vào đó, cần phải áp dụng thống nhất, đồng bộ các quy định của pháp luật về tội gây rối trật tự công cộng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cũng như thống nhất việc áp dụng ở các địa phương khác nhau.

Việc áp dụng thống nhất, đồng bộ các quy định về tội gây rối trật tự công cộng góp phần nâng cao hiệu quả trong các hoạt động tư pháp như điều tra, truy tố, xét xử, các hoạt động xử lý vi phạm hành chính,; hạn chế hoặc làm giảm số lượng các vụ án phải xét xử phúc thẩm do bị kháng cáo, kháng nghị. Điều này góp phần tránh những lãng phí vô cùng to lớn về thời gian và tiền bạc của xã hội.

Việc áp dụng thống nhất, đồng bộ các quy định về tội gây rối trật tự công cộng cũng góp phần tạo ra công bằng xã hội; bởi vì, với cùng một hành vi phạm tội như

nhau, kết quả xử lý của các địa phương cũng tương đương nhau, không có sự sai biệt quá lớn. Việc này cũng tăng cường củng cố niềm tin vào pháp luật trong nhân dân, nhờ đó, nâng cao hiệu quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

Với sự gia tăng về số lượng và tính chất nghiêm trọng của tội phạm hình sự nói chung và tội phạm tội gây rối trật tự công cộng nói riêng, yêu cầu nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong công tác xử lý tội phạm trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Việc nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật không chỉ nhằm hướng tới hoàn thiện hệ thống pháp luật tiên tiến mà trên hết là thể hiện quyết tâm trấn áp tội phạm của Nhà nước ta, dần dần loại bỏ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội, góp phần ổn định đời sống xã hội, bảo vệ các quan hệ xã hội, bảo vệ công dân và Nhà nước.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định về tội gây rối trật tự công cộng

3.2.1. Tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của BLHS, các văn bản pháp luật liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng

Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự là hoạt động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm định hướng, hướng dẫn cho các cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng đúng các quy phạm pháp luật hình sự vào giải quyết vụ án hình sự trong thực tế. Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự bao gồm hoạt động ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự và các hoạt động khác có ý nghĩa hướng dẫn trong việc đưa các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn. Về hoạt động ban hành văn bản hướng dẫn liên quan đến tội gây rối trật tự công cộng, cần lưu ý những điểm sau:

Thứ nhất, để đảm bảo hơn về hiệu quả áp dụng, việc tăng cường công tác hướng dẫn, giải thích các quy định của pháp luật, đặc biệt là BLHS năm 2015 vừa được thông qua ngày 27/11/2015 trong tương quan với các văn bản pháp luật khác về hành vi gây rối trật tự công cộng có ý nghĩa quan trọng để góp phần xử lý đúng người, đúng tội, đúng hành vi, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội. Cụ thể là:

Tại khoản 1 của Điều 318 BLHS năm 2015 quy định “*Người nào gây rối trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 02 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm.*” Như vậy, trong quy định này đã bỏ đi yếu tố “*gây hậu quả nghiêm trọng*”, thay vào đó là “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội*”. Vốn dĩ hành vi gây rối trật tự công cộng chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vậy cần phải hiểu ảnh hưởng xấu đến mức độ nào thì bị xử lý hình sự. Như vậy, sẽ cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung này.

Ở khoản 2 Điều luật này, cũng cần văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến các tình tiết định khung tăng nặng. Ví dụ như theo quy định tại Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*” của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có hướng dẫn tình tiết “*dùng vũ khí, hung khí*”, hay “*gây cản trở giao thông nghiêm trọng*”. Tuy nhiên, việc xác định “*cản trở, ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ*” còn gặp khó khăn vì trên thực tế, ai sẽ là người có trách nhiệm “*đo đồng hồ*” để xác định được yếu tố “*cản trở, ách tắc giao thông đến dưới 2 giờ*”. Thêm vào đó, Nghị quyết cũng chưa hướng dẫn thế nào là “*có hành vi phá phách*”; hoặc như thế nào là “*gây đình trệ hoạt động công cộng*” dẫn đến không thể áp dụng, hoặc mỗi địa phương áp dụng theo một cách hiểu khác nhau. Như vậy, cần phải ban hành văn bản hướng dẫn nhằm thống nhất cách hiểu và cách áp dụng pháp luật hình sự trong phạm vi cụ thể khi giải quyết vụ án hình sự nói chung và các vụ án về tội gây rối trật tự công cộng nói riêng, tránh sự chòng chéo, mập mờ, thiếu rõ ràng, dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau khi đưa vào vận dụng để giải quyết vụ án hình sự trong thực tế. Từ đó đảm bảo thống nhất cách hiểu và áp dụng pháp luật đều như nhau ở các địa phương trên cả nước.

Hai là, cần có các văn bản hướng dẫn về việc định tội danh trong các trường hợp phạm tội gây rối trật tự công cộng với các tội có hành vi khách quan gần giống

như đối với tội phá rối an ninh, tội bạo loạn, tội cố ý gây thương tích, tội chống người thi hành công vụ, tội phá hoại tài sản và tội đua xe trái phép để bảo đảm định tội danh được đúng và chính xác trong thực tiễn. Bởi lẽ, "định tội danh đúng sẽ là tiền đề cho việc phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật"

Ba là, tiếp tục cụ thể hóa và hoàn thiện các văn bản pháp luật hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội có liên quan đến hành vi gây rối trật tự công cộng, làm cơ sở cho việc xử lý hành chính và là dấu hiệu định tội để xử lý hình sự. Hiện nay, ngoài Luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội ban hành vào năm 2012, để xử lý hành chính trong lĩnh vực này, Nghị định số 73/2010/NĐ-CP ngày 12/7/2010 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội (thay thế Nghị định số 150/2005/NĐ-CP ngày 12/12/2005 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội) do Chính phủ ban hành cũng được áp dụng, trong đó quy định các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội; hình thức xử phạt, mức phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt; trình tự, thủ tục xử phạt; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Trong số các hành vi có hành vi gây rối trật tự công cộng chưa đến mức xử lý hình sự được quy định trong Chương II Nghị định này. Trong thời gian tới, với các biểu hiện đa dạng của các hành vi phạm tội trong thực tiễn, Nghị định này cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm giải thích rõ ràng hơn ranh giới giữa xử lý hành chính và xử lý hình sự.

Bên cạnh việc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự nói chung và về tội gây rối trật tự công cộng nói riêng còn được thể hiện qua nhiều hình thức khác với nội dung nhằm giải thích và hướng dẫn cách thức vận dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn. Các hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự cụ thể thông thường là: tổ chức các chương trình tập huấn nghiệp vụ, các khóa đào tạo cho những người làm pháp luật; chỉ dẫn và thực hiện các đường lối giải quyết khiếu mẫu trong một số vụ án

hình sự cụ thể.v.v... Hoạt động hướng dẫn áp dụng pháp luật hình sự là cầu nối giúp cho việc đưa các quy phạm pháp luật hình sự được vận dụng một cách trơn tru vào hoạt động thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng. Việc hướng dẫn áp dụng pháp luật vừa phải đáp ứng được yêu cầu cập nhật những nội dung mới nhất, giải thích một cách đầy đủ, đúng đắn, vừa cần phải nhanh chóng để sớm đem lại hiệu quả áp dụng pháp luật trong thực tế.

3.2.2 Bồi dưỡng và nâng cao kiến thức pháp luật cho đội ngũ Hội thẩm nhân dân

Như trên đã phân tích, pháp luật hiện hành trao cho Hội thẩm nhân dân quyền năng pháp lý khá lớn, song chưa có cơ chế để Hội thẩm nhân dân phát huy vai trò, nhiệm vụ của mình, do vậy hoạt động còn mang tính hình thức. Muốn giải quyết vấn đề này, đòi hỏi phải có các phương án và giải pháp đồng bộ cùng với sự tham gia tích cực, trách nhiệm từ nhiều phía.

Để Hội thẩm nhân dân đảm đương được chức trách, nhiệm vụ của mình, cần tiêu chuẩn hóa đội ngũ Hội thẩm nhân dân. Có nhiều ý kiến cho rằng Hội thẩm nhân dân phải có trình độ cử nhân Luật hoặc đã qua công tác pháp luật từ 3 - 5 năm, phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ xét xử; cần quy định về mặt tổ chức cụ thể. Trong thời gian nhất thời, để đáp ứng yêu cầu của xã hội, cần phải tăng cường các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức pháp luật cho các Hội thẩm nhân dân.

Ngoài ra, phải thẳng thắn nhìn nhận hệ lụy xã hội khi áp dụng không đúng tinh thần của chế định Hội thẩm nhân dân vào quá trình xét xử. Tình hình thực tế hiện nay, động lực để các Hội thẩm tích cực tham gia vào vụ án là không được cao vì lợi ích của họ trong các vụ án cũng chẳng có nhiều. Bởi các lý do:

- Thu nhập từ lương của công việc Hội thẩm là chưa phù hợp, rõ ràng đây không phải là nguồn thu nhập có thể nuôi sống gia đình và bản thân.

- Về trách nhiệm công vụ, đây cũng không phải là nơi họ sẽ bị kỷ luật lao động như thăng, giáng cấp, nâng lương, trừ lương, có chăng chỉ là có được tham gia ở nhiệm kỳ tiếp theo hay không, hay có được thường xuyên tham gia xét xử hay

không mà thôi.

Từ những vấn đề trên có thể thấy, chính sự thiếu thực tiễn trong quy định về chế định Hội thẩm nhân dân nên Hội thẩm nhân dân là đối tượng có thể dễ bị các đối tượng tác động trong các vụ án sơ thẩm. Hậu quả là việc thiếu tin tưởng vào Hội thẩm nhân dân nói riêng và Hội đồng xét xử sơ thẩm nói chung. Nghiêm trọng hơn, đa số các bản án sơ thẩm đều bị kháng cáo phúc thẩm. Điều này dẫn đến những lãng phí vô cùng to lớn về thời gian và tiền bạc của xã hội.

Đặc biệt trong thời gian chuẩn bị xét xử Hội thẩm nhân dân phải hết sức nỗ lực trong việc nghiên cứu hồ sơ, xem xét những tình tiết, tài liệu liên quan đến vụ án, nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh vụ án. Trên cơ sở đó, Hội thẩm nhân dân phải chuẩn bị cho mình một kế hoạch thẩm vấn tại phiên tòa, có như vậy mới chủ động khi tham gia xét xử và thể hiện sự "ngang quyền" với Thẩm phán được. Đi đôi với việc tiêu chuẩn hóa đội ngũ Hội thẩm nhân dân, cần phải có một chính sách đãi ngộ, chế độ bồi dưỡng thỏa đáng, thích hợp đối với đội ngũ Hội thẩm nhân dân, để tương ứng với trọng trách mà pháp luật giao cho họ.

3.2.3 Đẩy mạnh công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử của ngành Tòa án làm cơ sở cho hoạt động xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng được thực hiện thống nhất

Bên cạnh việc nêu lên các kết quả và thành tựu đạt được, các chủ thể tham gia hoạt động tổng kết thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự còn nêu lên những sai lầm, vướng mắc trong hoạt động áp dụng các quy phạm pháp luật vào thực tiễn giải quyết vụ án hình sự. Muốn nâng cao chất lượng xét xử vụ án hình sự nói chung, vụ án gây rối trật tự công cộng nói riêng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới thì phải thường xuyên tổ chức công tác tổng kết, rút kinh nghiệm cho toàn ngành đối với những vụ án có tính điển hình, những bản án, quyết định đã ban hành chưa chính xác, chưa thỏa đáng, còn có những sai lầm trong xem xét, đánh giá chứng cứ, trong việc lựa chọn quy phạm pháp luật và ban hành các bản án, quyết định. Tổng kết kinh nghiệm trong xét xử tội gây rối trật tự công cộng bao gồm cả việc xem xét, đánh giá kỹ năng xây dựng hồ sơ, chất lượng hồ sơ, cách sắp xếp hồ

sơ, nghiên cứu hồ sơ vụ án của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân; kỹ năng tìm và lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết những yêu cầu của vụ án và cả kỹ năng thực hiện các thao tác bắt buộc của quy trình tố tụng khi xét xử như xét hỏi, điều khiển phiên tòa, tranh luận, nghị án, ban hành bản án và quyết định của Tòa án.

Công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử giúp cho ngành Tòa án có điều kiện tìm ra những nguyên nhân sai lầm khi áp dụng các quy phạm pháp luật, đưa ra những đánh giá thực chất về sự chính xác, phù hợp với thực tiễn của các quy phạm pháp luật hình sự sau khi được Nhà nước ban hành: Những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt và có ý nghĩa lớn trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và giải quyết vụ án hình sự một cách thuận lợi, chính xác và nhanh chóng; những quy phạm pháp luật nào đã được xây dựng đúng nhưng chưa đủ, còn cứng nhắc, không đáp ứng được yêu cầu của đời sống xã hội hoặc khó để vận dụng vào thực tiễn khi giải quyết vụ án hình sự; và những quy phạm pháp luật hình sự nào chưa thực sự phù hợp hoặc không phù hợp, không có tính khả thi.v.v... khiến cho việc vận dụng các quy phạm này dễ dẫn tới sai lầm trong giải quyết vụ án hình sự. Từ đó có cơ sở đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, giải thích, hướng dẫn những quy phạm pháp luật điều chỉnh về lĩnh vực trật tự công cộng nhằm nâng cao tính khả thi pháp luật khi ban hành. Bởi vì hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung luôn là hoạt động cần phải có do các quy phạm pháp luật hình sự không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế xã hội, khi xã hội ngày càng có nhiều biến đổi thì các quy phạm pháp luật hình sự cũng cần sửa đổi để phù hợp với sự biến đổi đó.

Ngoài ra, thông qua công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử, giúp cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ Tòa án có những bài học rút ra từ thực tiễn để nâng cao kỹ năng trong quá trình áp dụng pháp luật, xét xử tội gây rối trật tự công cộng; những nhận định và lập luận sắc sảo, chính xác giúp cho những bản án, quyết định đúng và có sức thuyết phục. Những sai lầm của việc áp dụng pháp luật trong xét xử tội gây rối trật tự công cộng; những khiếm khuyết trong việc tổ chức và điều khiển phiên tòa; những bản án và quyết định chưa đúng pháp luật; chưa hợp tình, hợp lý... cũng là những bài học quý giá, bổ ích cho công tác của người Thẩm phán.

Như vậy, việc tổng kết kinh nghiệm xét xử, đặc biệt là việc tổng kết kinh nghiệm trong xét xử tội gây rối trật tự công cộng của ngành Tòa án có một ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận và thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật xét xử. Qua công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử của ngành Tòa án cần được xem là một nguồn để sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy phạm pháp luật để thực hiện tốt chủ trương của Đảng trong việc tạo lập an ninh trật tự nơi công cộng.

3.2.4. Xây dựng quy chế phối hợp giữa cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghị quyết số 49 – NQ /TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã nêu rõ: “*Công tác tư pháp còn bộc lộ nhiều hạn chế. Chính sách hình sự, chế định pháp luật dân sự và pháp luật về tố tụng tư pháp còn nhiều bất cập, chậm được sửa đổi, bổ sung, tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các cơ quan tư pháp còn bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp, hỗ trợ tư pháp còn thiếu; trình độ nhiệm vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ còn yếu, thậm chí có một số cán bộ sa sút về phẩm chất, đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp. Vẫn còn tình trạng oan, sai trong điều tra, bắt, giam giữ, truy tố, xét xử. Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của các cơ quan tư pháp còn thiếu thốn, lạc hậu. Cùng với những hạn chế nêu trên, nhiệm vụ cải cách tư pháp đang đứng trước nhiều thách thức. Tình hình phạm tội diễn biến phức tạp, với tính chất và hậu quả ngày càng nghiêm trọng. Các khiếu kiện hành chính, các tranh chấp dân sự, kinh tế, lao động, các loại khiếu kiện và tranh chấp có yếu tố nước ngoài có chiều hướng tăng về số lượng và phức tạp, đa dạng hơn. Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với các cơ quan tư pháp ngày càng cao; Các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của công dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm và vi phạm... Thực hiện cải cách tư pháp phải lấy công tác xét xử là trọng tâm”.*

Như vậy, để nâng cao hiệu quả áp dụng quy định pháp luật hình sự nói chung và quy định về tội gây rối trật tự công cộng nói riêng, trong các hoạt động tư pháp,

việc hoàn thiện một quy chế phối hợp giữa cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là điều thực sự cần thiết.

Công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự là một quá trình mà các cơ quan tiến hành tố tụng (cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) thực hiện các thủ tục tố tụng nhằm khám phá và giải quyết vụ án hình sự đúng theo quy định pháp luật. Trong đó, kết quả hoạt động tố tụng ở giai đoạn trước làm tiền đề, cơ sở để tiến hành hoạt động tố tụng ở giai đoạn sau, hoạt động chuẩn bị xét xử và xét xử của ngành Tòa án nhân dân là khâu kết thúc cuối cùng của quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự, đòi hỏi đội ngũ Thẩm phán phải nghiên cứu kỹ các kết quả của quá trình điều tra, truy tố để việc xét xử được đúng người, đúng tội và đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng trong thực tiễn không phải hoạt động tố tụng ở giai đoạn nào đều đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật, cũng như có cơ sở pháp lý vững chắc để Tòa án ra phán quyết bằng bản án. Vì thế, cần có hoạt động tổng kết rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ giữa ba cơ quan tiến hành tố tụng. Chẳng hạn như:

Hàng năm, liên ngành nội chính các cấp cần tổ chức một cuộc họp chuyên đề, qua đó đánh giá những mặt tồn tại trong quá trình điều tra truy tố, xét xử; những nguyên nhân khách quan, chủ quan, dẫn đến việc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, để hạn chế những thiếu sót trong quá trình điều tra truy tố, xét xử. Hiện nay, mối quan hệ này được thực hiện trên những văn bản là Bộ luật Tố tụng hình sự và một số thông tư liên ngành cấp Trung ương. Tuy nhiên, những văn bản này chưa quy định rõ trách nhiệm phối hợp của các bên hoặc có quy định trách nhiệm nhưng không có sự ràng buộc trách nhiệm pháp lý nào nên rất khó cụ thể hóa tại địa phương. Do vậy trong thời gian tới cần tiếp tục nghiên cứu, bàn bạc, thảo luận trên cơ sở các quy định pháp luật hiện hành để ban hành “Quy chế phối hợp trong việc điều tra bổ sung các vụ án hình sự”.

Việc ban hành quy chế này có ý nghĩa quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra tuân thủ theo các quy định của pháp luật, hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi phạm tội có căn cứ và bảo đảm cho

quá trình giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan, toàn diện và đầy đủ, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Thêm vào đó, tăng cường điều kiện vật chất, phương tiện cho công tác điều tra để đảm bảo tất cả yêu cầu điều tra có thể thực hiện được; cũng như các hoạt động tổng đạt các văn bản, kiến nghị ... được diễn ra suôn sẻ, chính xác, và đúng thời gian quy định.

Ngoài ra, cũng cần xây dựng các quy chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan khác để đảm bảo tốc độ giải quyết các vụ án; cũng như cần sớm hoàn thiện về công tác cán bộ, cơ chế quản lý, chỉ đạo điều hành....

Thêm vào đó, trong những năm gần đây, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, một số hành vi phạm tội trong nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính nói chung, như đua xe trái phép, biểu tình trái phép, ẩu đả, gây rối trật tự công cộng, chống người thi hành công vụ đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến khó lường về tính chất và mức độ, ảnh hưởng không nhỏ đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nhất là quyền con người. Thế nên, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự nói chung, tội gây rối trật tự công cộng nói riêng luôn được tiến hành đồng bộ với sự tham gia đầy đủ của các cấp chính quyền, cơ quan đoàn thể, tổ chức xã hội, đặc biệt là lực lượng chuyên trách trong Công an và sự nhiệt tình ủng hộ của quần chúng nhân dân. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần có sự phối hợp chặt chẽ, liên tục và thường xuyên với các cơ quan chức năng khác, các cấp chính quyền, cơ quan, ban ngành, các tổ chức xã hội có liên quan để tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, tích cực phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

3.2.5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân và các giải pháp khác:

Bên cạnh các giải pháp liên quan tới quá trình hoàn thiện hướng dẫn, giải thích áp dụng pháp luật, hoàn thiện năng lực của các chủ thể áp dụng pháp luật, để đạt được hiệu quả cao trong công tác áp dụng pháp luật hình sự còn cần phải thực hiện tốt các giải pháp có ý nghĩa tác động bên ngoài nhằm khuyến khích hoạt động

của các cán bộ pháp luật và các giải pháp có ý nghĩa tác động tới việc nâng cao ý thức pháp luật của xã hội, cụ thể là:

- Tăng cường đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ, người thi hành công vụ và tăng cường trách nhiệm của đội ngũ làm công tác thi hành công vụ, bảo vệ an toàn, trật tự xã hội; có chính sách ưu đãi thỏa đáng đối với cán bộ, chiến sĩ, người thi hành công vụ (lương bổng, phụ cấp, trang bị phương tiện, quần áo, trụ sở nơi làm việc, chế độ đãi ngộ, động viên, khuyến khích, khen thưởng...)

- Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất của các cơ quan pháp luật, đặc biệt là các trang thiết bị có ý nghĩa phục vụ cho công tác giải quyết các vụ án hình sự. Việc thay thế các trang thiết bị lạc hậu bằng những trang thiết bị hiện đại, đưa vào sử dụng các trang thiết bị có tính công nghệ cao góp phần nâng cao khả năng đánh giá chính xác được những tình tiết trong một vụ án hình sự, cập nhật được những văn bản và hướng dẫn áp dụng pháp luật mới nhất. Điều này không chỉ giúp nâng cao độ chính xác khi giải quyết mà còn nhằm làm rút ngắn thời gian giải quyết một vụ án hình sự.

- Nghiên cứu sửa đổi các thủ tục tố tụng trong giải quyết một vụ án hình sự theo hướng: loại bỏ các thủ tục rườm rà, phức tạp, gây khó khăn hoặc kéo dài thời gian trong việc giải quyết vụ án và gây phiền hà cho người dân tiếp cận công lý; đảm bảo quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng được thuận lợi và nhanh chóng.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền, trong đó Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế XHCN là mục tiêu hướng tới của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới. Thực trạng hiện nay cho thấy, hành vi gây rối trật tự công cộng đến mức cần xử lý hình sự còn tương đối phổ biến, ở một số vùng sâu, vùng xa, nhất là các vùng kinh tế - xã hội còn lạc hậu thì nguyên nhân là do mâu thuẫn nội bộ, do khiêu nạt, tố cáo... còn tại các thành phố lớn kinh tế - xã hội phát triển thì nguyên nhân thường là do bị kích động, lôi kéo... Đặc biệt, hành vi gây rối trật tự công cộng có liên quan đến việc chống người thi hành công vụ, có ý gây thương tích hay hủy hoại tài sản và đua xe trái phép thì diễn ra phổ biến với

số lượng lớn người phạm tội. Do đó, một trong những nguyên nhân chủ yếu của các vụ gây rối trật tự công cộng là do nhiều người chưa hiểu biết pháp luật hoặc do không tin vào sự giải quyết của chính quyền, do mâu thuẫn cá nhân dẫn đến tự xử lý tạo nên tình hình căng thẳng trong nhân dân, trong xã hội. Thậm chí có nhiều vụ án không giải quyết dứt điểm, rõ ràng và đúng pháp luật sẽ ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật, của chính quyền, của Đảng, ...

Vì vậy, Nhà nước và xã hội phải thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân qua nhiều hình thức và cách thức khác nhau, để cho người dân hiểu biết pháp luật, một mặt tránh vi phạm pháp luật hay phạm tội, nhưng mặt khác cũng nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân trước nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Công tác này có ý nghĩa rất quan trọng, bởi nó góp phần làm tăng niềm tin của người dân đối với Đảng, với Nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật và sự công bằng, nhân đạo của pháp luật. Qua đó, làm cơ sở định hướng đúng đắn cho các hành vi và hình thành nhân cách công dân, ý thức tuân thủ và tôn trọng pháp luật, không để họ thực hiện các hành vi sai trái, vi phạm pháp luật, tham gia bảo vệ các lợi ích của bản thân, gia đình và xã hội. Nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cần tập trung vào các nội dung sau:

Một là, trang bị tri thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng; hướng dẫn người dân các thói quen ứng xử tích cực và chỉ tuân theo pháp luật.

Hai là, tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân các văn bản liên quan đến quy chế, quy định dân chủ trong các văn bản pháp luật, phường xã; phổ biến các quyền công dân, quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân trong Hiến pháp, đặc biệt Hiến pháp sửa đổi năm 2013 và các quy định của pháp luật, nội dung cụ thể của các quyền này; các quy định, nội dung, điều lệ chung về trật tự, an toàn xã hội, sinh hoạt chung nơi công cộng.

Ba là, bồi dưỡng tình cảm, tâm lý pháp luật về việc tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quy tắc của cuộc sống, giữ gìn và bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức và công dân.

Bốn là, xây dựng các câu lạc bộ pháp luật, tổ chức thường xuyên các cuộc thi tìm hiểu pháp luật. Tuyên truyền pháp luật thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Năm là, thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ khen thưởng, biểu dương kịp thời để khuyến khích, động viên quần chúng nhân dân tham gia phong trào toàn dân đấu tranh phòng và chống tội phạm. Đây là một nội dung quan trọng trong Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP của Chính phủ về "Tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới" thể hiện nội dung xã hội hóa, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời, thể hiện nguyên tắc dân chủ trong luật hình sự Việt Nam.

Cuối cùng, để nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhân dân, các hành vi vi phạm pháp luật, những người vi phạm các quy tắc sinh hoạt công cộng, các quy tắc đạo đức, đều phải bị xử lý một cách công bằng, nghiêm minh, không dung túng, không khoan nhượng với tội phạm. Cần có sự chủ động phối hợp giữa các cơ quan tư pháp và các cơ quan chức năng khác trên cơ sở pháp luật quy định để xử lý nghiêm minh các vụ gây rối trật tự công cộng, như tổ chức xét xử công khai, lưu động để nâng cao việc giáo dục, tuyên truyền pháp luật đối với quần chúng, nâng cao khí thế của quần chúng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm gây rối trật tự công cộng nói riêng, góp phần nâng cao ý thức pháp luật trong nhân dân.

KẾT LUẬN

Các quy định về tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là một chế định điển hình trong BLHS, trong đó có quy định về các tội phạm cụ thể và hình phạt dành cho hành vi tương ứng. Người thực hiện tội phạm này xâm phạm trật tự công cộng, làm phá vỡ sự ổn định của trật tự công cộng, vi phạm pháp luật, văn hóa, chuẩn mực xã hội, phong tục tập quán, làm cản trở hoạt động bình thường, tuần tự của mọi người tại không gian công cộng. Gây rối trật tự công cộng là tội cụ thể trong chế định pháp luật trên, theo đó có thể hiểu gây rối trật tự công cộng là nhóm các hành vi xâm phạm trật tự công cộng được Nhà nước bảo vệ bằng quy định pháp luật cụ thể và hình phạt tương xứng đối với tội danh này.

An toàn công cộng, trật tự công cộng có liên quan chặt chẽ tới các hoạt động kinh tế - văn hóa cũng như cuộc sống của mọi người dân. Do đó, bảo vệ an toàn công cộng, trật tự công cộng luôn được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cũng như của toàn xã hội. Tuy nhiên, xuất phát từ mặt trái của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa, toàn cầu hóa nền kinh tế, sự gia tăng và biến động dân số, tỷ lệ lao động thất nghiệp ngày càng nhiều, ý thức và trình độ nhận thức của người dân chưa cao, cũng như chưa ý thức hết hậu quả của hành vi gây rối trật tự công cộng để lại, sự thờ ơ thiếu trách nhiệm của một số cán bộ, công chức thực thi pháp luật, người dân chưa thật sự tích cực trong tố giác tội phạm và hỗ trợ cho các cơ quan có thẩm quyền và người tiến hành tố tụng trong việc chứng minh tội phạm,...tất cả các vấn đề đó làm cho tình hình tội phạm này trong thời gian tới sẽ phức tạp và nguy hiểm hơn. Do vậy, hơn bao giờ hết công tác giáo dục, tuyên truyền cho người dân, trừng trị người phạm tội, cũng như vai trò của công tác xét xử tội phạm này trong thời gian tới là rất quan trọng, đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp các ngành và ý thức chấp hành pháp luật của mỗi công dân.

Hành vi gây rối trật tự công cộng và cả tội phạm gây rối trật tự công cộng thể hiện chung ở chỗ - đều xâm phạm nghiêm trọng các quan hệ xã hội trong lĩnh vực trật tự công cộng, gây thiệt hại đến các quyền và lợi ích hợp pháp, tài sản của Nhà nước và công dân. Hành vi này được thực hiện công khai và thường ở những nơi

đông người, số đông người tham gia biểu hiện ý thức coi thường kỷ cương trật tự, an toàn xã hội, pháp luật của Nhà nước với đa dạng hình thức biểu hiện của hành vi gây rối thường là: hành hung, đánh lộn, đập phá, gây lộn xộn ở nơi đông người, tụ tập đi xe máy tốc độ cao, lạng lách, đánh võng, gây huyên náo đường phố .v.v... và ngày càng có xu hướng gia tăng ở các thành phố, đô thị lớn và đi kèm với nó là các hành vi hủy hoại tài sản, cố ý gây thương tích, giết người, chống người thi hành công vụ hay đua xe trái phép.v.v...

Để ngày một nâng cao hiệu quả của việc áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử đối với tội gây rối trật tự công cộng, các nhà làm luật, các chủ thể áp dụng pháp luật cần thực hiện theo những quan điểm, nguyên tắc chung của pháp luật. Thực hiện thường xuyên những giải pháp nêu trên trong thời gian nhất định mới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giải quyết án của các cơ quan tiến hành tố tụng nói chung và hoạt động xét xử tội gây rối trật tự công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Trên cơ sở nghiên cứu khía cạnh pháp lý hình sự và thực tiễn xét xử của các TAND trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh về tội gây rối trật tự công cộng cho thấy cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp luật về tội phạm này trên các phương diện lý luận, thực tiễn và lập pháp. Do đó, để nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS hiện hành về tội gây rối trật tự công cộng đòi hỏi cần thực hiện đồng bộ các giải pháp mang tính chiến lược và giải pháp cụ thể đã được phân tích. Các giải pháp này có ý nghĩa rất quan trọng không những trên phương diện xã hội - pháp lý hình sự, mà còn cả trên phương diện tội phạm học để nhằm mục đích phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả hơn đối với hành vi phạm tội gây rối trật tự công cộng ở nước ta nói chung, và đặc biệt, ở một thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Qua đó bảo đảm xử lý nghiêm minh, kịp thời và đúng pháp luật mọi hành vi phạm tội và người phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan người vô tội.

Từ cơ sở lý luận, qua nguyên cứu thực trạng đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế, những nguyên nhân, quan điểm cũng như các giải pháp nhằm đạt mục tiêu nâng cao

hiệu quả áp dụng pháp luật để xét xử tội gây rối trật tự công cộng; góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội, làm giảm thiểu các hành vi gây rối trật tự công cộng, đảm bảo được trật tự kỉ cương xã hội, tạo sự tin tưởng tuyệt đối của nhân dân vào thể chế chính trị, tạo điều kiện và thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển toàn diện, hướng đến mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Văn Beo (2010), *Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng - Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Lê Văn Cẩm (Chủ biên) (2007), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Chính phủ (2005), Nghị Định số 150/2005/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội, Hà Nội.
5. Chính phủ (2010), Nghị Định số 73/2010/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội, Hà Nội.
6. Chính phủ (2013), Nghị Định 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bạo lực gia đình, Hà Nội.
7. Vũ Thế Công (2007), *Trật tự công cộng và một số biện pháp phòng chống gây rối trật tự công cộng*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Nguyễn Thanh Hải (2010), *Tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
11. Nguyễn Thanh Hải (2010), *Tội gây rối trật tự công cộng trong Luật hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
12. Nguyễn Ngọc Hòa (2010), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam, (Tập II)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

13. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự"*, Hà Nội.
14. Trần Minh Hưởng (2002), *Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
15. Trần Minh Hưởng (chủ biên), Đỗ Đức Hồng Hà, Trịnh Tiến Việt và tập thể tác giả (2010), *Tìm hiểu Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những văn bản hướng dẫn thi hành*, NXB Lao động, Hà Nội.
16. Trần Minh Hưởng (2014), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự (được sửa đổi, bổ sung)*, NXB Hồng Đức.
17. Uông Chu Lưu (Chủ biên) (2008), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Đức Mai (2001), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
19. Đỗ Ngọc Quang (2003), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Đinh Văn Quế (2005), *Bình luận khoa học chuyên sâu Bộ luật hình sự - Phần các tội phạm*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Đinh Văn Quế (2006), *Bình luận chuyên sâu Bộ luật hình sự - Tập VI*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
24. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
25. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự sửa đổi, bổ sung*, Hà Nội.
26. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
27. Quốc hội (1992), *Hiến pháp Việt Nam năm 1992*, Hà Nội.
28. Quốc hội (2014), *Hiến pháp Việt Nam sửa đổi*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
29. Quốc hội (2012), *Luật xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

30. Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2011-2015), *Báo cáo thống kê công tác xét xử*, Tp.Hồ Chí Minh
32. Tòa án nhân dân tối cao (1976), *Hệ thống hóa luật lệ về hình sự, Tập I (1945-1975)*, Hà Nội.
33. Nguyễn Anh Tuấn (2012), *Nguồn luật văn bản của luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân*, Hà Nội.
35. Trương Quang Vinh (2008), *Bình luận các điều 241 đến 256- Bình luận khoa học Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2001), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
37. Võ Khánh Vinh (2013), *Giáo trình Lý luận chung về định tội danh*, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
38. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật Hình Sự Việt Nam – Phần các tội phạm*, Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Võ Khánh Vinh (chủ biên) (2014), *Giáo trình Luật Hình Sự Việt Nam – Phần chung*; Viện Hàn Lâm Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Trương Hòa Bình, *Một số chế định về Hội thẩm nhân dân*, <http://toaan.gov.vn> , ngày cập nhật 23/11/2012
41. Hạnh Duyên, *Vẫn có thể xử lý hình sự vụ gây rối ở Bệnh viện Nhân dân Gia Định*, <http://nld.com.vn/phap-luat> , ngày cập nhật 18/10/2013
42. Trần Văn Giàu, *Thực trạng công nhân phạm tội trên địa bàn quận Thủ Đức*, <http://www.vksnd.hochiminhcity.gov.vn> , ngày cập nhật 14/10/2014

43. Minh Đức - Mã Hải, *Toàn cảnh vụ hỗn chiến kinh hoàng lúc rạng sáng*, <http://cand.com.vn/ANTT> , ngày cập nhật 12/07/2015
44. Bùi Thị Hoa, *Một số nhận thức về Hội thẩm nhân dân*, <http://truongchinhtrina.gov.vn>
45. Ngọc Khải, *Chống đua xe, không lẽ bó tay ?*, <http://tuoitre.vn> , ngày cập nhật 04/04/2015
46. Đoàn Loan, *Trật tự, an toàn xã hội diễn biến phức tạp*, <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat> , ngày cập nhật 12/11/2012
47. Đình Quốc, *Báo động hỗn chiến, giết người dã man chỉ vì va chạm giao thông*, <http://kienthuc.net.vn> , ngày cập nhật 29/12/2015
48. Quế Sơn, *Đổi tội danh từ giết người sang gây rối trật tự công cộng ngay tại tòa*, <http://dantri.com.vn/phap-luat> , ngày cập nhật 20/11/2015
49. Luật sư Nguyễn Văn Thành, *Tội gây rối trật tự công cộng trong pháp luật hình sự*, <http://luathuythanh.vn> , ngày cập nhật 07/04/2015
50. Hà Thảo, *Gần 100 "quái xế" gầm rú trên xa lộ Hà Nội*, <http://www.doisongphapluat.com/phap-luat> , ngày cập nhật 07/03/2015
51. Hạnh Thúy, *Trong 5 năm, hơn 35 nghìn bị can trẻ vị thành viên phạm tội*, <http://vietnamnet.vn/vn/doi-song> , ngày cập nhật 16/07/2015
52. Đình Anh Tuấn, *Hội thẩm nhân dân, họ là ai ?*, <http://www.tienphong.vn/Phap-Luat> , ngày cập nhật 12/12/2011
53. Nguyễn Xuân Tùng, *Tòa án nhân dân và nhiệm vụ "bảo vệ công lý"*, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc> , ngày cập nhật 23/01/2015
54. Huỳnh Tuyết, *Bắt bốn nghi can vụ hỗn chiến chết người tại quận 6*, <http://www.baomoi.com/an-ninh-trat-tu>, ngày cập nhật 29/07/2015
55. Viện Nhà nước và Pháp luật, *Tạp chí Nhà Nước và Pháp luật*, <http://isl.vass.gov.vn>